



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

16

Tháng 8 - 2016

ĐOÀN KIỂM TRA CỦA BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ LÀM VIỆC TẠI BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2016



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi làm việc



Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân - Trưởng đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ phát biểu kết luận tại buổi làm việc với Bộ Xây dựng

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BẢY

16

SỐ 16 - 8/2016



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới tỉnh Điện Biên, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2016 - 2020 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 6

Văn bản của địa phương

- Tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh 9
- Tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định quy định quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh 12

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(**Trưởng ban**)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LY
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu đề xuất các yếu tố lựa chọn công nghệ xử lý nước thải đô thị thích hợp cho các vùng miền Việt Nam” 15
- Hội thảo khởi động Dự án “Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng” 16
- Sự hình thành kiến trúc đô thị tương lai của thế kỷ XXI 18
- Vật liệu của thế kỷ 22 22
- Sự phát triển công nghệ xây dựng khung bê tông cốt thép nhịp lớn tại Liên bang Nga 23
- Khó khăn trong quản lý thi công công trình cao tầng và các biện pháp khắc phục 25
- Giải pháp thiết kế - kiến trúc tổng hợp trong không gian đô thị lịch sử 27

Thông tin

- Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ làm việc tại Bộ Xây dựng 31
- Hội nghị trụ bị cho Kỳ họp thứ 34 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cu Ba 33
- Bộ Xây dựng tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen của Bộ trưởng cho chuyên gia Chương trình Nước và Vệ sinh tại các thị trấn ở Việt Nam 35
- Hội nghị phổ biến các Thông tư hướng dẫn Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Tập huấn sử dụng phần mềm sát hạch chứng chỉ hoạt động xây dựng 36
- Dự trữ và gia tăng cung ứng hiệu quả nguồn nhà ở xã hội tại thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc 38
- Nghiên cứu phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc 40
- Xây dựng bền vững - những thiết kế được đánh giá cao 44
- Phát triển bền vững bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới tỉnh Điện Biên, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2016 - 2020

Ngày 09 tháng 8 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1573/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới tỉnh Điện Biên, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2016 - 2020.

Đề án được xây dựng trên địa bàn 29 xã với tổng diện tích tự nhiên là 338.021,9ha thuộc 04 huyện tỉnh Điện Biên; thời gian thực hiện từ năm 2016 đến năm 2020. Mục tiêu của Đề án xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo nhanh, bền vững, nhằm giúp các xã trong vùng đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đầu tư xây mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, nâng cao cuộc sống của nhân dân, hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh, xây dựng và bảo vệ biên giới, đoàn kết, hữu nghị, giữ vững an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Các nội dung đầu tư gồm:

Đầu tư nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội bao gồm đường giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, y tế, nhà ở dân cư,... Phấn đấu đến năm 2020, có 13 xã đạt tiêu chí giao thông, 18 xã đạt tiêu chí thủy lợi, 29 xã đạt tiêu chí điện, 12 xã đạt tiêu chí trường học các cấp, 7 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa...

Đầu tư nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất bao gồm: Thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ

lệ lao động có việc làm thường xuyên, hình thức tổ chức sản xuất. Phấn đấu đến hết năm 2020, có 07 xã đạt tiêu chí thu nhập, 12 xã đạt tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, 23 xã đạt tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên và 27 xã đạt tiêu chí hình thức tổ chức sản xuất.

Đầu tư nhóm tiêu chí về văn hóa - xã hội và môi trường bao gồm giáo dục, văn hóa, môi trường. Phấn đấu hết năm 2020 có 27 xã đạt tiêu chí giáo dục, 24 xã đạt tiêu chí văn hóa và 26 xã đạt tiêu chí môi trường.

Đầu tư nhóm tiêu chí về hệ thống chính trị bao gồm hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh, an ninh, trật tự xã hội. Phấn đấu đến năm 2020, có 100% số xã đạt tiêu chí trên.

Vốn đầu tư: Thực hiện lồng ghép vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp; sử dụng vốn tín dụng đầu tư của nhà nước; huy động đóng góp của nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Các giải pháp thực hiện:

Về tuyên truyền, vận động tham gia xây dựng nông thôn mới: Tăng cường vai trò của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, vận động người dân thay đổi tập quán du canh, du cư sang phương thức sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững; hưởng ứng

phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Về phát triển sản xuất: Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, giao đất sản xuất nông nghiệp, giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp phát triển mạnh các vùng trồng cây công nghiệp (cà phê, cao su, chè...); đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi, phát triển chăn nuôi theo quy mô hộ gia đình; đẩy mạnh mô hình hợp tác xã kiểu mới theo hướng liên doanh, liên kết mở rộng sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị sản phẩm.

Về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ xã, thôn, bản..., ưu tiên mở rộng việc thực hiện chương trình đưa đội ngũ trí thức trẻ đã tốt nghiệp đại học về công tác tại các xã vùng Đê án; đổi mới công tác đào tạo nghề cho

lao động nông thôn, mở rộng ngành nghề, lĩnh vực đào tạo, xã hội hóa việc đào tạo nghề; tăng cường mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật về cây trồng, vật nuôi mới, kỹ năng quản lý kinh tế hộ, trang trại và ngành nghề ở nông thôn.

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, đẩy nhanh tiến độ cơ giới hóa ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp; tổ chức tốt và tạo điều kiện phát triển dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng cao, đặc biệt là những giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao để nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp; tăng cường lượng cán bộ khuyến nông xuống tận cơ sở (thôn, bản) để tuyên truyền, xây dựng nhân rộng những mô hình có hiệu quả.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Ngày 16 tháng 8 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Mục tiêu của Chương trình nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững. Chương trình được áp dụng tại các xã trên phạm vi cả nước.

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới nhằm đạt yêu cầu tiêu chí số 01 về quy hoạch và thực hiện quy hoạch trong Bộ tiêu chí quốc gia nông

thôn mới. Đến năm 2018, có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 01 về quy hoạch và thực hiện quy hoạch.

Quy hoạch nhằm đáp ứng 3 nội dung: Đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh; bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt từng vùng, miền; Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã nông thôn

mới đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cần đạt 9 nội dung bao gồm: Hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn thôn, xã. Đến năm 2020, có ít nhất 55% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông; Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng; Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn; Xây dựng hoàn chỉnh các công trình đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Hoàn thiện hệ thống trung tâm văn hóa - thể thao, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản; Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân; Xây dựng, cải tạo, nâng cấp về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trong đó ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã hải đảo...; Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; Hoàn chỉnh các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân.

Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân cần đạt được các nội dung sau: Triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Tiếp tục thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, trong đó chú trọng công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp thu hút nhiều lao động; Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; Phát triển ngành nghề nông thôn bao gồm bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái, hỗ trợ xây dựng thương hiệu...; Nâng cao chất lượng

đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Đối với vấn đề giảm nghèo và an sinh xã hội cần đạt các mục tiêu: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn.

Phát triển giáo dục ở nông thôn theo hướng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi; xóa mù chữ và chống tái mù chữ; phổ cập giáo dục tiểu học; thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn cần đạt yêu cầu đến năm 2020, có 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế; xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn theo hướng phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hóa, thể thao; tập trung nghiên cứu, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.

Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề cần đạt mục tiêu đến năm 2020, cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn; xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp; khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ

chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân: Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho khoảng 500.000 lượt cán bộ, công chức xã; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới theo Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp; Các Bộ, ngành, cơ quan đoàn thể và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn: Cần đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nhất là các xã vùng trọng điểm (biên giới, hải đảo) đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia.

Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, truyền thông về xây dựng nông thôn mới: Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cộng đồng và người dân; ban hành Bộ tài liệu chuẩn phục vụ cho công tác đào tạo, tập huấn kiến thức cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp; xây dựng và triển khai có hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

Các giải pháp thực hiện Chương trình:

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xã hội sâu

rộng về xây dựng nông thôn mới qua việc tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới từ trung ương đến cơ sở.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách: Rà soát, hoàn thiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới; triển khai hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tiễn trong giai đoạn 2016 - 2020.

Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình: Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn; huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã); huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp; các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã...

Cơ chế phân bổ, giám sát và theo dõi các nguồn vốn thực hiện Chương trình

Đối với cơ chế phân bổ: Trung ương hỗ trợ cho các địa phương tổng mức vốn và giao Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể. Cơ chế quản lý tài chính và giám sát việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực ở các cấp: Hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách của Chương trình; xây dựng cơ chế giám sát và kiểm tra việc phân bổ và sử dụng nguồn lực.

Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ 100% từ ngân sách Nhà nước cho tất cả các xã để thực hiện công tác quy hoạch; tuyên truyền; đào tạo; tập huấn; nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước cho các xã để thực hiện xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã... Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ

vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương.

Cơ chế đầu tư: Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã (gọi tắt là Ban Quản lý xã) do UBND xã quyết định.

Hợp tác quốc tế trong xây dựng nông thôn mới: Vận động, hợp tác với các tổ chức quốc tế hỗ trợ tư vấn và kỹ thuật cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tranh thủ hỗ trợ vốn và vay vốn từ các tổ chức tài chính

quốc tế và các đối tác phát triển quốc tế.

Điều hành, quản lý Chương trình: Thành lập hệ thống bộ máy chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình từ Trung ương đến cơ sở. Việc quản lý, điều hành thực hiện Chương trình theo quy chế quản lý, điều hành và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2020 do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh

Ngày 12 tháng 7 năm 2016, UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh.

Nhiệm vụ và quyền hạn bao gồm:

Trình UBND tỉnh: Dự thảo các quyết định, chỉ thị, các văn bản quy định việc phân công, phân cấp và ủy quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; dự thảo quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm, các chương trình, dự án trong ngành; dự thảo chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước;

Về quy hoạch xây dựng, kiến trúc (gồm: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù; thiết kế đô thị, quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị): Kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng, kiến trúc, các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt

các loại đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; hướng dẫn các chủ đầu tư trong việc tổ chức lập các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh; hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch xây dựng nông thôn trên địa bàn xã theo phân cấp; công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; quản lý hồ sơ các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; cấp giấy phép quy hoạch, cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng; giới thiệu địa điểm xây dựng và hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật; cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư quy hoạch đô thị, điều kiện năng lực của các cá nhân và tổ chức tham gia thiết kế quy hoạch xây dựng hạng II và hạng III; về thi tuyển ý tưởng quy hoạch; thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình

trên địa bàn tỉnh; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

Về hoạt động đầu tư xây dựng: Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng, gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; khảo sát, thiết kế xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân và cấp phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài; thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng theo phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng theo quy định của pháp luật; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại địa bàn tỉnh theo phân cấp; cấp chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III đối với tổ chức tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh...

Về phát triển đô thị: Lập các loại quy hoạch theo quy định, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và cho từng đô thị trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia, chương trình phát triển đô thị quốc gia, quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng tỉnh; Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình đô thị hóa; thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm; kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy

hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt;

Về hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp; quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ); kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Về nhà ở: Ban hành chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh, bao gồm chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở nói chung và các chương trình mục tiêu của tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn về nhà ở; lập, thẩm định, phê duyệt các dự án phát triển nhà ở; thẩm định giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn tỉnh; xây dựng khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội; xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở xã hội hàng năm, 05 năm được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách địa phương hoặc bằng nguồn vốn xã hội hóa; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị của tỉnh; kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng nhà ở, nhà ở xã hội;

Về công sở: Lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng công sở, trụ sở làm việc; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Về thị trường bất động sản: Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển và quản lý thị trường bất động sản; các giải pháp nhằm minh bạch hóa hoạt động giao dịch, kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh; điều tiết và bình ổn thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh.

Về vật liệu xây dựng: lập, thẩm định các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng theo phân cấp của Chính phủ và phân công của UBND tỉnh; thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

Xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Sở được giao theo quy định của pháp luật.

Thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc ngành Xây dựng, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 06

tháng, 01 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với UBND tỉnh, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở.

Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

Sở Xây dựng có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Văn phòng (bao gồm cả công tác pháp chế); Thanh tra; Phòng Quy hoạch - kiến trúc; Phòng Quản lý xây dựng; Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng; Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản; Chi cục Giám định xây dựng.

Biên chế công chức và số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) của Sở Xây dựng và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện theo quyết định giao hàng năm của cơ quan có thẩm quyền đúng theo quy định hiện hành. Việc tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức của Sở Xây dựng phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.vinhlong.gov.vn)

Tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định quy định quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh

Ngày 19 tháng 7 năm 2016, UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND quy định quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này áp dụng cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thuộc diện ở nhà công vụ trong thời gian đảm nhận chức vụ; Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; Giáo viên đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Bác sĩ, nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa; nhà khoa học.

Nguyên tắc quản lý nhà ở công vụ: Nhà ở công vụ được sử dụng đúng mục đích và đúng đối tượng, có hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; cho thuê, thu hồi nhà ở và quản lý, sử dụng nhà ở công vụ phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; được quản lý chặt chẽ trong quá trình quản lý sử dụng, không được tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng; phải bảo đảm chất lượng và an toàn cho người sử dụng; đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý vận hành, bảo trì, cho thuê nhà ở công vụ, đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường.

Tiêu chuẩn nhà ở công vụ bao gồm: Căn hộ chung cư loại 1 với diện tích sử dụng (140 - 160m²) thuộc khu vực đô thị, được bố trí cho các chức danh có hệ số lương khởi điểm từ 9,7 trở lên đến dưới 10,4. Căn hộ chung cư loại 2 với diện tích sử dụng (100 - 115m²) thuộc khu vực đô thị, được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên; Trung tướng, Thiếu tướng trong các lực lượng vũ trang; nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

Căn hộ chung cư loại 3 tại khu vực đô thị với diện tích sử dụng (80 - 90m²) hoặc căn nhà loại 1 tại khu vực nông thôn với diện tích sử dụng (80 - 90m²) được bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,3; chuyên viên cao cấp (A3); giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn xã vùng sâu, vùng xa,...; Đại tá, Thượng tá, Trung tá trong các lực lượng vũ trang; nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng. Căn hộ chung cư loại 4 tại khu vực đô thị với diện tích sử dụng (60 - 70m²) hoặc căn hộ loại 2 tại khu vực nông thôn với diện tích sử dụng (55 - 65m²) bố trí cho các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,2 đến dưới 0,7. Căn hộ chung cư loại 5 tại khu vực đô thị với diện tích sử dụng (25 - 45m²) hoặc căn hộ loại 3 tại khu vực nông thôn với diện tích sử dụng (40 - 45m²) bố trí cho các chức danh chuyên viên (A0, A1); Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế đến công tác tại các vùng khó khăn, vùng sâu - vùng xa. Căn nhà loại 4 tại khu vực nông thôn với diện tích sử dụng (25 - 35m²) được bố trí cho các chức danh công chức loại B, C, quân nhân chuyên nghiệp; giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế.

Nguyên tắc trang bị nội thất nhà ở công vụ: Trang bị nội thất cơ bản nhà ở công vụ đối với trường hợp mua nhà (căn hộ) chưa có trang thiết bị nội thất. Đối với nhà (căn hộ) khi mua đã có trang thiết bị nội thất thì không được trang bị thay thế đối với những máy móc, thiết bị rời không gắn với nhà ở công vụ (ví dụ như: Máy giặt, tủ lạnh và các thiết bị khác) và chỉ được trang bị bổ sung những trang thiết bị còn thiếu hoặc chưa đồng bộ theo thiết kế phù hợp. Thiết bị, vật dụng được trang bị phải có niên hạn sử dụng tối thiểu 5 năm.

Trang bị nội thất biệt thự, căn hộ chung cư bố trí làm nhà ở công vụ tại khu vực đô thị bao gồm: Bộ bàn ghế và kệ tivi phòng khách, máy điều hòa nhiệt độ các phòng; bộ bàn ghế phòng ăn, tủ lạnh, tủ bếp (đồng bộ), bộ bếp và máy hút mùi; tủ đứng, giường, đệm, máy giặt, bình nóng lạnh, 01 bộ bàn ghế làm việc.

Trang bị nội thất đối với căn nhà bố trí làm nhà ở công vụ tại khu vực nông thôn bao gồm: Bộ bàn ghế và kệ tivi phòng khách, máy điều hòa nhiệt độ các phòng, bộ bàn ghế phòng ăn (nếu có), tủ lạnh, tủ bếp, bếp; tủ đứng, giường, đệm, máy giặt, bình nóng lạnh. Đối với những nơi chưa có điện lưới thì chưa bố trí các thiết bị sử dụng điện.

Quyết định này cũng quy định quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà ở công vụ bao gồm: Tiếp nhận, rà soát, thống kê, phân loại nhà ở công vụ được giao quản lý; lập, lưu trữ hồ sơ nhà ở và giao 01 bộ hồ sơ hoàn thành (đối với trường hợp đầu tư xây dựng mới) hoặc tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ đo vẽ lại (đối với nhà ở công vụ đang sử dụng mà không có hồ sơ) cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ; lập danh sách và trình UBND tỉnh ban hành quyết định người được thuê nhà ở công vụ; Sở Xây dựng phối hợp với các cơ quan địa phương để xây dựng giá cho thuê nhà ở công vụ; báo cáo UBND tỉnh quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ; kiểm tra, đôn đốc việc cho thuê, bảo hành, bảo trì, quản lý vận hành nhà ở công vụ; kiểm tra báo cáo thu, chi tài chính của Trung tâm Phát triển quỹ đất; lập kế hoạch bảo trì, cải tạo hoặc xây dựng lại nhà ở công vụ; hành vi vi phạm.

Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm tiếp nhận quỹ nhà ở công vụ do các cơ quan quản lý nhà ở công vụ bàn giao; quản lý vận hành, bảo trì, cho thuê nhà ở công vụ đảm bảo an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường; phổ biến nội dung Bản nội quy quản lý sử dụng nhà ở công vụ; quản lý các diện tích nhà ở công vụ chưa cho thuê trong khu nhà ở công

vụ được giao quản lý; khai thác phần diện tích dùng để kinh doanh, dịch vụ (nếu có); trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ trực tiếp thu phí sử dụng các dịch vụ như điện, nước, internet hoặc dịch vụ trông giữ tài sản thì phải đảm bảo nguyên tắc không nhằm mục đích kinh doanh trong hoạt động thu phí này; thực hiện thu hồi nhà ở công vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; trực tiếp thu tiền thuê nhà hàng tháng theo quy định; hướng dẫn người thuê nhà ở công vụ làm thủ tục ký hợp đồng và trả tiền sử dụng điện, nước, bưu chính viễn thông với các đơn vị cung cấp dịch vụ.

Việc bảo hành nhà ở công vụ phải theo quy định của pháp luật về xây dựng; tổ chức, cá nhân cung ứng thiết bị nhà ở phải bảo hành thiết bị theo thời hạn do nhà sản xuất quy định. Việc bảo trì nhà ở công vụ phải diễn ra thường xuyên, sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất nhằm duy trì chất lượng của nhà ở công vụ.

Thủ tục thuê nhà ở công vụ: Cán bộ, công chức thuộc diện được bố trí thuê nhà ở công vụ phải có đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ được cơ quan nơi mình đang công tác xác nhận. Người thuê nhà ở công vụ nộp 02 bộ hồ sơ tại Trung tâm Phát triển quỹ đất, bao gồm đơn đề nghị thuê nhà có xác nhận của Cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý; Bản sao Quyết định điều động công tác. Trong vòng 05 ngày Trung tâm Phát triển quỹ đất có công văn gửi Sở Xây dựng hồ sơ thuê nhà công vụ. Trong vòng 4 ngày, Sở Xây dựng kiểm tra trình UBND tỉnh xem xét Quyết định bố trí nhà ở công vụ cho người có nhu cầu. Căn cứ quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ, Trung tâm Phát triển quỹ đất tiến hành ký hợp đồng thuê nhà ở công vụ cụ thể gồm trao đổi và ký kết hợp đồng cho thuê, giá cho thuê, thời hạn cho thuê...

Người thuê nhà ở công vụ có quyền nhận bàn giao nhà ở và các trang thiết bị kèm theo nhà ở theo thỏa thuận; được sử dụng nhà ở cho bản thân và các thành viên trong gia đình trong thời gian đảm nhận chức vụ, công tác; đề nghị

đơn vị quản lý vận hành sửa chữa kịp thời những hư hỏng nếu không phải do lỗi của mình gây ra; được bố trí nhà ở khác với diện tích tương ứng diện tích đã thuê trong trường hợp nhà ở công vụ đang thuê phải cải tạo, phá dỡ; được tiếp tục ký hợp đồng thuê nhà ở công vụ nếu hết thời hạn thuê nhà ở mà vẫn thuộc đối tượng và có đủ điều kiện được thuê nhà ở công vụ theo quy định.

Người thuê nhà ở công vụ có trách nhiệm sử dụng nhà vào mục đích để ở; có trách nhiệm giữ gìn nhà ở và các tài sản kèm theo; không được tự ý cải tạo, sửa chữa, phá dỡ nhà ở công vụ; trường hợp sử dụng căn hộ chung cư thì còn phải tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư; không được cho thuê lại, cho mượn, ủy quyền quản lý nhà ở công vụ; trả tiền thuê nhà ở theo hợp đồng thuê nhà ở ký với bên cho thuê và thanh toán các khoản chi phí phục vụ sinh hoạt khác; trả lại nhà ở công vụ cho Nhà nước khi không còn thuộc đối tượng được thuê nhà ở hoặc khi không còn nhu cầu thuê nhà ở công vụ hoặc khi có hành vi vi phạm thuộc diện bị thu hồi nhà ở trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Thu hồi nhà ở công vụ trong các trường hợp: Cho thuê nhà ở công vụ không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng hoặc không đủ điều kiện; hết thời hạn thuê theo hợp đồng mà bên thuê không còn nhu cầu thuê tiếp hoặc khi

hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê; bên thuê nhà có nhu cầu trả lại nhà; bên thuê không còn đủ điều kiện thuê; người đang thuê nhà ở công vụ bị chết hoặc có tuyên bố mất tích của Tòa án; không nộp tiền thuê nhà từ 03 tháng trở lên; nhà ở công vụ thuộc diện phải phá dỡ để cải tạo, xây dựng lại theo quyết định của cơ quan nhà nước; bên thuê nhà sử dụng nhà ở không đúng mục đích như đã thỏa thuận hoặc tự ý chuyển đổi, cho thuê lại, cho mượn nhà ở.

Những hành vi nghiêm cấm trong quản lý sử dụng nhà ở công vụ gồm tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng nhà ở công vụ; cản trở việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà ở, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ về sử dụng về nhà ở; chiếm dụng diện tích nhà ở trái pháp luật; lấn chiếm không gian và các phần thuộc sở hữu chung, tự ý thay đổi kết cấu chịu lực; chuyển đổi, chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà ở dưới bất kỳ hình thức nào; cho người khác mượn, ở nhờ một phần hoặc toàn bộ nhà ở công vụ; cải tạo, cơ giới, phá dỡ nhà ở mà không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà ở công vụ...

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2016.

**Xem toàn văn tại
(www.thuathienhue.gov.vn)**

Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu đề xuất các yếu tố lựa chọn công nghệ xử lý nước thải đô thị thích hợp cho các vùng miền Việt Nam”

Ngày 18/8/2016 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã có buổi họp nghiệm thu các kết quả của Đề tài “Nghiên cứu đề xuất các yếu tố lựa chọn công nghệ xử lý nước thải đô thị thích hợp cho các vùng miền Việt Nam” - mã số MT 58-15 do Hội Cấp thoát nước Việt Nam chủ trì thực hiện. Chủ tịch Hội đồng - PGS.TS Mai Thị Liên Hương - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) chủ trì buổi họp.

Báo cáo Hội đồng nghiệm thu, Chủ nhiệm Đề tài - PGS.TS Trần Đức Hạ cho biết, mục tiêu nghiên cứu của Đề tài này nhằm đánh giá tính phù hợp của các công nghệ xử lý nước thải đô thị hiện có với điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế - xã hội từng vùng, miền; xây dựng tiêu chí kinh tế - kỹ thuật để đánh giá và lựa chọn công nghệ xử lý nước thải đô thị phù hợp vùng miền và thiết lập quy trình lựa chọn công nghệ xử lý nước thải đô thị.

Thực hiện Đề tài này, với cách tiếp cận nghiên cứu là rà soát các phương pháp và tiêu chí đánh giá công nghệ xử lý nước thải đô thị hiện có, cập nhật yếu tố vùng/ miền của Việt Nam để xây dựng phương pháp đánh giá và lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra, khảo sát về điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội vùng, miền và tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị; nghiên cứu các sơ đồ công nghệ và các công trình xử lý nước thải đô thị; khảo sát hiện trạng hoạt động và công nghệ của các nhà máy/ trạm xử lý nước thải đô thị trong các dự án đang được triển khai; xây dựng tiêu chí đánh giá và quy trình lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp vùng, miền.

Theo kết quả khảo sát của Đề tài, hiện nay phần lớn các nhà máy xử lý nước thải đang hoạt



Quang cảnh Hội đồng nghiệm thu
động dưới 50% công suất thiết kế và xây dựng, thậm chí có nhà máy đã xây dựng xong nhưng không có nước thải để xử lý, gây lãng phí vốn đầu tư. Bên cạnh đó, do việc tính toán thiết kế công nghệ xử lý nước thải thường theo kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu của nước ngoài, nên xảy ra tình trạng không phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Trong đề tài này, để lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp, nhóm tác giả đã xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá công nghệ với 6 nhóm tiêu chí về hiệu quả xử lý; trình độ công nghệ; hiệu quả kinh tế; tính phù hợp điều kiện địa phương; thích ứng với biến đổi khí hậu; an toàn và thân thiện với môi trường. Trong các nhóm tiêu chí có phân ra các tiểu tiêu chí gắn với trọng số (tính điểm) về mức độ quan tâm, ứng với 7 vùng trên cả nước.

Đánh giá về kết quả của Đề tài, các chuyên gia phản biện và các thành viên của Hội đồng đánh giá cao công sức và nỗ lực của nhóm tác giả trong việc điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu về các nhà máy xử lý nước thải trên toàn quốc, cả về quy mô, công nghệ và hiệu quả vận hành; Các tiêu chí và nguyên tắc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp điều kiện 7 vùng trên cả nước mà nhóm tác giả đưa ra là phù hợp, khả thi.

Bên cạnh đó, các chuyên gia của Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến để nhóm tác giả hoàn thiện Đề tài, trong đó có việc đề nghị chỉnh sửa bố cục thuyết minh; bổ sung cơ sở khoa học của các trọng số của các tiêu chí đánh giá công nghệ và định hướng Việt Nam nên lựa chọn công nghệ xử lý nước thải nào phù hợp...

Phát biểu kết luận cuộc họp, PGS. TS Mai Thị Liên Hương nhất trí với ý kiến của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng, đồng thời đánh giá cao sự nghiêm túc, công phu của nhóm tác giả trong việc thực hiện Đề tài này, đáp

ứng các mục tiêu đề ra, có tính thực tiễn cao. Tuy nhiên, để Đề tài hoàn thiện hơn, Chủ tịch Hội đồng Mai Thị Liên Hương đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng, trong đó lưu ý cơ sở khoa học của việc đề xuất 6 nhóm tiêu chí và các trọng số tính điểm, bổ sung các khuyến cáo về lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp cho các vùng, miền.

Đề tài đã được Hội đồng bỏ phiếu thông qua với kết quả xếp loại xuất sắc.

Minh Tuấn

Hội thảo khởi động Dự án “Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng”

Ngày 26/8/2016, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tổ chức Hội thảo Khởi động Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Việt Nam (Dự án). Dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy, Giám đốc quốc gia UNDP tại Việt Nam - bà Louise Chamberlain, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) - Giám đốc Dự án Lê Trung Thành.

Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng ở Việt Nam do Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) tài trợ thông qua UNDP, Bộ Xây dựng là cơ quan chủ quản Dự án, thực hiện trong thời gian 4 năm (6/2016 - 5/2019), với tổng kinh phí là 3.198.000 USD. Mục tiêu của Dự án là nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng, qua đó giảm phát thải khí nhà kính của ngành Xây dựng Việt Nam.

Dự án sẽ hỗ trợ Việt Nam dỡ bỏ rào cản trong việc thực hiện hiệu quả và thực thi nghiêm ngặt Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả

EECB, thông qua việc thực hiện 3 hợp phần: Sửa đổi, bổ sung và tăng cường năng lực thực thi Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả; đề xuất các sáng kiến hỗ trợ và phát triển thị trường xây dựng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; xây dựng và thực hiện trình diễn một số mô hình mẫu đối với chung cư và tòa nhà thương mại sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy cho biết: Hiện nay ở Việt Nam, năng lượng tiêu thụ trong ngành Xây dựng chiếm tỷ lệ khoảng 40% tổng lượng năng lượng tiêu thụ quốc gia. Mặc dù, Xây dựng không phải là lĩnh vực gây phát thải khí nhà kính lớn nhất, nhưng được dự báo là một trong những ngành có nhu cầu sử dụng năng lượng gia tăng nhanh nhất, gây ra nhiều thách thức về môi trường đối với Việt Nam.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng tiết kiệm trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng ở Việt Nam, Thứ trưởng Đỗ Đức Duy đặc biệt nhấn mạnh vai trò quan trọng của Sở Xây dựng các địa phương. Do đó, Thứ trưởng đề nghị: “Sở Xây dựng các địa phương,



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy phát biểu tại Hội thảo

nhất là các đô thị lớn như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ... cần chủ động, tích cực phối hợp, tham gia các hoạt động của Dự án, thực hiện nghiêm túc công tác thẩm tra thiết kế, thẩm định dự án, kiểm tra, nghiệm thu công trình xây dựng trước khi đưa vào sử dụng nhằm đáp ứng các quy định của Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

Giám đốc Quốc gia UNDP tại Việt Nam - bà Louise Chamberlain cho biết: UNDP đã có kinh nghiệm hỗ trợ sử dụng hiệu quả năng lượng trong các tòa nhà tại hơn 40 quốc gia đang phát triển trên thế giới. Bà Louise Chamberlain đưa ra các ví dụ điển hình tốt về các dự án xây dựng tòa nhà sinh thái thân thiện được đầu tư bởi các doanh nghiệp tư nhân, bao gồm cả Tòa nhà Xanh Liên Hợp quốc là một trong những tòa nhà sinh thái thân thiện với môi trường nhất tại Việt Nam.

Bà Chamberlain khẳng định việc cải tiến cơ bản và bền vững sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng đòi hỏi những nỗ lực không ngừng của Chính phủ Việt Nam trong việc phát triển quan hệ đối tác chặt chẽ giữa tất cả các bên liên quan, đồng thời nhân rộng và mở rộng quy mô của việc thực hiện các giải pháp xây dựng tòa nhà sinh thái thân thiện.

Bà Louise Chamberlain bày tỏ tin tưởng Dự án sẽ góp phần làm giảm cường độ phát



Giám đốc Quốc gia UNDP tại Việt Nam, bà Louise Chamberlain phát biểu tại Hội thảo

thải khí nhà kính từ lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam, khi cho biết Dự án này sẽ tạo cơ sở cắt giảm phát thải khí nhà kính trực tiếp khoảng 230.000 tấn CO₂ trong vòng 4 năm tới. Lượng phát thải này tương đương với khí thải từ 5.000 chiếc xe ô tô chạy 200.000 km/năm, trong khoảng 15 năm. Kết quả này sẽ góp phần vào việc thực hiện cam kết của Việt Nam để giảm khí thải nhà kính 25% tính đến năm 2030 với sự hỗ trợ của quốc tế, như được nêu trong “Báo cáo Dự kiến đóng góp Quốc gia tự quyết định (INDC)”.

Trình bày tham luận Hiện trạng và định hướng triển khai các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả của Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) - Giám đốc Dự án Lê Trung Thành cho biết: Bộ Xây dựng hiện rất chú trọng xây dựng và hoàn chỉnh hành lang pháp lý về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng, đồng thời triển khai các hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng như: Khảo sát, kiểm toán năng lượng các công trình xây dựng theo loại hình; nghiên cứu xây dựng định mức sử dụng năng lượng cho một số loại hình công trình; tổ chức nhiều lớp tập huấn áp dụng quy chuẩn QCVN 09:2013/BXD, các lớp nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, tư vấn tại các cơ quan quản lý ở cấp Trung ương



Quang cảnh Hội thảo

và địa phương, từ các đơn vị tư vấn, thiết kế, thi công công trình đến các cán bộ quản lý, vận hành tòa nhà; xây dựng hệ thống tài liệu giảng dạy về năng lượng tiết kiệm để đưa vào giảng dạy trong trường Đại học Xây dựng, Đại học Kiến trúc, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị; tăng cường hợp tác quốc tế để hỗ trợ các hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các công trình xây dựng.

Về định hướng thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả của Bộ Xây dựng trong thời gian tới, ông Lê Trung Thành nhấn mạnh nội dung nghiên cứu đề xuất sửa đổi một số quy định của Luật và các Nghị định có liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, công trình xanh. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cũng sẽ chú trọng: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự thảo thông tư quy định về đánh giá, công nhận công trình xanh, nghiên cứu, rà soát, bổ sung, xây dựng, ban hành các định mức đơn giá, suất đầu tư liên quan đến tiết kiệm năng lượng và công trình xanh; tăng cường các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cho các đối tượng liên quan về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, phát triển công trình xanh, thực hiện lối sống thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

Trần Đình Hà

Sự hình thành kiến trúc đô thị tương lai của thế kỷ XXI

Dự đoán tương lai luôn luôn thu hút sự quan tâm của các nhà lý luận và thực tiễn kiến trúc. Các dự án về thành phố trong tương lai của thế kỷ XXI có bước phát triển cơ bản về kỹ thuật và khái niệm nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường như: Thiếu không gian ở và giải trí; ô nhiễm môi trường toàn cầu, mất kết nối với thiên nhiên.

Sự quan tâm hiện nay đối với việc thiết kế đô thị của tương lai trong khuôn khổ của sự chuyển đổi một cách cơ bản không gian kiến trúc nảy sinh từ sự xuất hiện của một số xu hướng được phổ biến trong nửa cuối của thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI: Suy thoái môi trường; Sự cần thiết giải quyết các vấn đề liên quan đến tình trạng đô thị hóa quá mức; Cách mạng khoa học và công nghệ.

Sự phát triển đô thị trong thế kỷ XX là nhằm đáp ứng nhu cầu sinh học và sinh lý cơ bản của người dân. Đô thị được phát triển trên cơ sở "vi

cư dân" đã phá hoại thiên nhiên. Việc thể chế hoá công tác trồng cây xanh cũng như sự quan tâm đối với thể chế này chỉ mới mang tính địa phương. Với cách tiếp cận toàn cầu, vấn đề bảo tồn thiên nhiên giữ một vai trò thứ yếu.

Trong thế kỷ XXI vector tương tác "con người - thiên nhiên", khi con người và các lợi ích của con người được đặt lên vị trí ưu tiên, còn thiên nhiên chỉ giữ vai trò là nguồn vật chất dành cho việc sản xuất và khai thác thì vector tương tác đó mất đi tính cấp thiết của mình và được thay thế bởi một vector của sự cùng phát triển hài hòa "con người - thiên nhiên". Các lợi ích của thiên nhiên sẽ được đưa lên hàng đầu và con người sẽ tự nguyện tham gia vào sự thống nhất với môi trường thiên nhiên. Việc nghiên cứu các dự án khái niệm đã giúp xác định và hệ thống hóa các đặc tính của đô thị tương lai của thế kỷ XXI, đó là môi trường, tiết kiệm tài nguyên, tạo hình, chức năng, sản xuất và công nghệ.

1. Sinh thái

Là một trong những vấn đề lớn của thời đại, từ năm này sang năm khác các vấn đề ô nhiễm môi trường đã xuất hiện, với tốc độ ô nhiễm ngày càng tăng và đe dọa huỷ diệt toàn bộ cộng đồng thế giới. Ngày nay, quy mô của sự tác động của con người lên sinh quyển đã trở nên rộng lớn đến mức với thái độ dễ dãi của cộng đồng và từ phía các tổ chức quốc tế được thành lập vì mục tiêu theo dõi sự phát triển phổ biến của hành tinh, các vấn đề nêu trên có nguy cơ trở thành thảm họa sinh thái toàn cầu.

Các giải pháp thiết kế đô thị tương lai của thế kỷ XXI tuân theo những vấn đề ưu tiên nêu trên. Trong đó phải kể đến các thành phố sinh thái vận hành trên cơ sở các công nghệ tiên tiến và công nghệ xanh (thành phố sinh thái Masdar tại Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất), và các thực thể địa phương. Các thực thể đó bao gồm một số yếu tố môi trường có khả năng tự hồi phục. Các yếu tố đó là: Sự hấp thụ và xử lý chất ô nhiễm bằng cách biến đổi chúng thành nước hoặc phân bón (dự án "Tòa nhà siêu cao tầng - điều hòa không khí"), phủ xanh không gian đô thị (Nhà siêu cao tầng - công viên bay, "Công viên nổi" ở Trung Quốc; thành phố sinh thái Hòa Bình ở Yakutia LB Nga); sử dụng vật liệu sạch sinh thái (Trung tâm Hội nghị Thành phố Đài Trung).

Chủ đề về điều kiện sinh thái thuận lợi dường như chiếm ưu thế trong thiết kế khái niệm của thế kỷ XXI và là nét chủ đạo trong các nội dung chính của sự hình thành của các đô thị của tương lai - "hình dáng" được thể hiện thông qua cách tạo hình theo hướng thiên nhiên trên cơ sở hình thái học sinh học, "sản xuất" - thông qua chức năng sản xuất góp phần vào sự hồi phục của hệ sinh thái.

Đặc điểm của các dự án về đô thị tương lai của thế kỷ XXI là đô thị có khả năng tự sửa chữa và hồi phục. Đô thị không chỉ vô hiệu hóa các tác động có hại đối với môi trường mà còn giúp làm sạch và phục hồi sinh quyển.

2. Tiết kiệm tài nguyên

Khai thác và sử dụng các loại nhiên liệu hóa thạch không tái tạo sẽ giữ vai trò như một cỗ máy phát xạ các chất độc hại vào khí quyển. Giải pháp cho vấn đề này là hình thành kiến trúc sạch sinh thái với mục đích chính là giảm tiêu thụ năng lượng. Việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên trong các dự án phát triển đô thị của tương lai sẽ giúp đạt được các mục tiêu sau: Sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng thủy điện; áp dụng sáng tạo công nghệ sinh học nano như da sinh thái, công nghệ sinh trắc học, thiết bị phản ứng sinh học (nhà sinh học thông minh ở thành phố Hamburg, Đức).

Việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên không chỉ là một tổ hợp các biện pháp công nghệ xây dựng, mà còn là cách tiếp cận hệ thống giúp hình thành không gian kiến trúc. Các phương pháp thực hiện chức năng sử dụng tiết kiệm tài nguyên nêu trên, bao gồm: Cài đặt các đối tượng sử dụng tiết kiệm tài nguyên vào bên trong tòa nhà; lập chương trình cho vòng đời của nhà; sử dụng các giới hạn về không gian làm cơ sở cho sự hình thành bố cục; sử dụng tài nguyên và chất thải có thể được tái chế; thiết kế hệ thống sử dụng tiết kiệm tài nguyên hoạt động độc lập; ứng dụng hệ thống sinh học sử dụng tiết kiệm tài nguyên; kết hợp các hệ thống công nghệ sử dụng tiết kiệm tài nguyên và không gian công cộng.

3. Môi trường

Việc thiết kế đô thị của tương lai liên quan đến việc tạo ra một môi trường khác và độc đáo. Sự độc đáo được thể hiện trong sự cộng sinh giữa hình dáng bên ngoài và cấu trúc quy hoạch mặt bằng đô thị. Những điều đó được thể hiện trong phạm vi của điều kiện khí hậu lựa chọn.

Các đề xuất khái niệm về đô thị của tương lai bao gồm 5 yếu tố môi trường sống là đất, nước, không khí, không gian, băng. Mỗi yếu tố trong số đó xác định các nguồn dự trữ cho sự phát huy các tiềm năng của đô thị. Phương

hướng phát triển đô thị của tương lai dựa trên kinh nghiệm và một di sản phong phú các dự án xây dựng đô thị tương lai của thế kỷ XX và là một giai đoạn tiến hóa mang tính quy luật đồng thời cũng là sự xem xét lại các hướng phát triển đô thị của thế kỷ trước. Ngoài ra còn có sự khác biệt đáng kể giữa các dự án hiện đại về đô thị của tương lai với các giải pháp thiết kế đô thị của thế kỷ XX. Sự khác biệt đó đặc trưng cho cách tiếp cận toàn cầu trong thiết kế: Các dự án thiết kế khái niệm đối với đô thị của thế kỷ XXI không bao hàm các giải pháp thiết kế cụ thể như các giải pháp quy hoạch, kết cấu hạ tầng mà chỉ xác định các lĩnh vực ưu tiên cần được xem xét và phát triển trong quá trình thiết kế đô thị tương lai của thế kỷ XXI.

Việc phân tích các đồ án thiết kế khái niệm giúp phân loại đô thị tương lai của thế kỷ XXI xét về mặt môi trường: Môi trường "Trái đất" được chia thành dưới lòng đất (không gian địa phương) và trên mặt đất (đô thị tuyến tính, đô thị xanh, đô thị đồi núi, đô thị nhà cao tầng, đô thị trang trại, đô thị tin học) như các dự án Đô thị chìm ("Sinking City"); công trình tòa tháp phỏng sinh học. Môi trường "Nước" được chia thành đô thị nổi (đô thị nổi, đô thị trên trụ, đô thị tàu thủy), đô thị phía trên bề mặt mặt nước (đô thị - cầu) và đô thị dưới mặt nước (đô thị xoắn ốc, đô thị - phao). Môi trường "Không khí" được chia thành đô thị địa phương (đô thị nhà cao tầng, đô thị treo, đô thị cấp độ thứ hai, đô thị - tòa nhà) và đô thị không gian (đô thị ô phố, đô thị bay), như các dự án "Vertical City"; "Đô thị trên bầu trời"; Đô thị treo "Slow Uprising". Môi trường "không gian vũ trụ" bao gồm các đô thị được thiết kế trong không gian vũ trụ như đô thị - trạm không gian; đô thị nhà cao tầng; đô thị trên sao Hỏa. Môi trường "Băng" dường như là dẫn xuất của đô thị nước như đô thị xây trên băng; đô thị băng.

Do điều kiện môi trường không thuận lợi, việc thiết kế đô thị của tương lai theo nguyên tắc hình dáng phỏng sinh học trở thành xu hướng của thế kỷ XXI - phương pháp thiết kế

hình dáng sử dụng các hình dáng sinh học. Một ví dụ về cách tiếp cận theo xu hướng hình dáng phỏng sinh học là đô thị xanh và đô thị đồi núi. Đô thị được xây dựng phù hợp với cảnh quan thiên nhiên từ các hình dáng tự do phi tuyến tính mà thể tích bên ngoài không bị phụ thuộc vào những đường nét hình học nghiêm ngặt mặt khác tái tạo hình dáng, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của các sinh vật trong thiên nhiên.

4. Tạo hình

Hình dáng của kiến trúc tương lai khác với các qui tắc tạo hình cổ điển, theo đó các quy tắc cổ điển bao gồm tính hình học, tính tuyến tính, nhịp điệu được điều chỉnh, cấu trúc rõ ràng và đem lại cho dáng vẻ kiến trúc những yếu tố bất ngờ. Vào đầu thế kỷ XXI các kiến trúc sư đã từ bỏ đặc tính thẩm mỹ truyền thống và hướng tới việc tạo ra các hình khối độc đáo không lặp lại. Hình khối kiến trúc được khác biệt bởi tính nhịp nhàng và lưu động của các đường cong, đặc tính tạo hình phân dạng, sự năng động "sôi động", ưa chuộng sự mô phỏng hình dáng của thiên nhiên - nguyên tắc hình thái phỏng sinh học.

Kiến trúc sư theo chủ nghĩa vị lai Vincent Callebaut là một đại diện nổi bật cho phương pháp tạo hình theo đặc tính thiên nhiên, được biết đến với các dự án sinh thái và tương lai như: Dự án đô thị nổi Lilypad, được thiết kế với hình dạng của một cây hoa súng; phức hợp đô thị trang trại "Dragonfly"; nhà siêu cao tầng Thành phố Cairns châu Á, được xây dựng vươn lên trời từ các viên sỏi thủy tinh trong suốt.

Trong số các tác phẩm của các tác giả và xưởng kiến trúc đáng chú ý là: Công trình "Tòa tháp dạng thân cây có rễ và nụ hoa" của nhóm Soma và RLA Architects.

5. Chức năng

Các đô thị tương lai của thế kỷ XXI có chức năng đa dạng: Sự lựa chọn và chức năng được quyết định bởi môi trường và mục tiêu xây dựng đô thị. Ví dụ về các chức năng của đô thị tương lai: Sự biến đổi các rung động âm thanh thành động năng (công trình "Nhà cao tầng âm

thanh"); giải quyết vấn đề quá tải dân cư (công trình dạng "khí cầu thẳng đứng"); thu gom và đốt rác đại dương ("Nhà siêu cao tầng thu gom và đốt rác đại dương"); chức năng nghiên cứu khoa học (công trình "Chiếc ô ở vùng cực").

6. Sản xuất

Theo dự báo của Liên Hợp Quốc, năm 2050 tỷ lệ dân số đô thị sẽ tăng lên 86% ở các nước phát triển và lên đến 67% ở các nước đang phát triển. Đồng thời dân số thế giới đạt 9,1 tỷ người. Việc bảo đảm lương thực, thực phẩm bằng các phương pháp sản xuất nông nghiệp truyền thống sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu nêu trên do thiếu đất và sự suy giảm của các tiềm năng tài nguyên. Vấn đề về sự tương quan giữa tốc độ tăng dân số và tăng nguồn tài nguyên thiên nhiên đạt đến mức tới hạn.

Chức năng sản xuất trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm đã được triển khai thực hiện tại một số dự án riêng lẻ quy mô địa phương phát triển đô thị tương lai. Sự bảo đảm cho dân cư thức ăn, các sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi có tầm quan trọng hàng đầu. Việc sản xuất các sản phẩm đó cần phải không phá vỡ tính toàn vẹn của môi trường thiên nhiên.

Sự phát triển các trang trại đô thị có thể giúp giải quyết các vấn đề nêu trên. Đó là các cơ cấu sạch sinh thái trong đó cho phép trồng các loại cây như ngũ cốc, rau, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc trong đô thị và tại các khu đô thị. Những cấu trúc đó được phát triển nhằm cải thiện đời sống cho cư dân trong bối cảnh đô thị hóa. Các trang trại đô thị có thể được phát triển và chính thức trở thành các đô thị - trang trại. Ví dụ về các trang trại đô thị: Dự án "Nông trại thẳng đứng» (Vertical Farm) của Đại học Columbia; Ngôi nhà kính "Plantagon" của Công ty Plantagon International.

Yếu tố được xem là nền tảng cho cuộc sống của bất cứ một đô thị nào dường như là sản xuất công nghiệp. Hình thức sản xuất này thúc đẩy sự tăng trưởng và trưởng thành của đô thị,

cung cấp lương thực, thực phẩm cho người dân kể cả việc làm. Những thay đổi của lĩnh vực sản xuất được xem là yếu tố gây nên những thay đổi thực thể đô thị trong quá trình tiến hóa của đô thị đó.

7. Công nghệ

Các công nghệ mới tiên tiến giữ vai trò quyết định trong việc hình thành đô thị tương lai. Các công nghệ đó quyết định sự phù hợp và tính khả thi của các dự án khái niệm. Các hướng cơ bản của công nghệ thế kỷ XXI là: Công nghệ sinh học, công nghệ nano, năng lượng và nhiên liệu.

Dự án "Sao kim" của các nhà kỹ trị (Mỹ) kết hợp các công nghệ tiên tiến của thiên niên kỷ gần đây như: Năng lượng tái tạo, không gian mạng và hệ thống máy tính, nhà ở độc lập, robot công nghiệp, công nghệ xanh, công nghệ nano. Dự án "Sao kim" là mẫu hình về "đô thị lý tưởng" của thế kỷ XXI, nhằm đạt được một nền văn minh toàn cầu hòa bình, bền vững và liên tục phát triển.

Thành phố sinh thái "Masdar" được khởi công vào năm 2006 là thành phố sạch sinh thái đầu tiên trên thế giới, được cung cấp bởi các nguồn năng lượng tái tạo. Thành phố được xây dựng trong sa mạc trên cơ sở các công nghệ xanh, trong đó phương tiện vận tải là ô tô điện.

Trên cơ sở nghiên cứu các dự án khái niệm về đô thị tương lai của thế kỷ XXI tương ứng với các khía cạnh được nêu ở phần trên có thể xác định được rằng đô thị tương lai của thế kỷ XXI sẽ là đô thị định hướng sinh học, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên, sạch sinh thái, có khả năng tự sửa chữa - hồi phục, công nghệ cao, có năng lực nhận thức thông tin - ruyền thông, độc lập, chức năng, dễ thích nghi và tích hợp với thiên nhiên.

Denisenko E.V.

Nguồn: Bản tin Trường đại học kiến trúc - xây dựng Kazan (tiếng Nga), số 4/2015

ND: Huỳnh Phước

Vật liệu của thế kỷ

Thủy tinh từ lâu đã là một món quà giá trị mà thiên nhiên trao tặng cho con người. Vật liệu này ít chịu tác động của thời gian (có thể tồn tại hàng nghìn năm). Những đặc tính tuyệt vời cho phép thủy tinh, cũng như các chế phẩm của thủy tinh được ứng dụng rộng rãi vào nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có xây dựng.

Thủy tinh thường ở thể rắn, dạng vô định hình sản xuất bằng cách làm nguội khối silicat nóng chảy. Thủy tinh được chế tạo bằng cách đưa hỗn hợp các nguyên liệu như cát thạch anh, đá vôi, soda Na_2CO_3 và sulfat natri Na_2SO_4 , dolomit, K_2O tạo màu sáng và tăng tính xuyên sáng... vào lò nấu ở nhiệt độ cao tới $1500 - 1600^\circ\text{C}$. Trong ngưỡng $800 - 900^\circ\text{C}$, khối silicat được hình thành. Khi nhiệt độ đạt $1150 - 1200^\circ\text{C}$, khối thủy tinh trở nên trong suốt nhưng còn nhiều bọt khí, việc tách bọt khí kết thúc khi nhiệt độ đạt $1400 - 1500^\circ\text{C}$. Cuối giai đoạn này, khối thủy tinh hoàn toàn tách hết khí và trở thành khối đồng nhất. Việc chuyển thủy tinh từ trạng thái lỏng sang trạng thái rắn là một quá trình thuận nghịch. Khi để trong không khí và ở nhiệt độ cao, cấu trúc vô định hình của một số loại thủy tinh có thể chuyển sang kết tinh, kết tủa thành những hạt đá nhỏ. Chính vì thế, nhiều nhà khoa học và địa chất học đã coi đá bọt là một dạng thủy tinh, vì nó không có cấu trúc tinh thể và rất nhẹ, xốp.

Đá bọt thủy tinh có thể trở thành vật liệu tiềm năng thay thế cho vật liệu đá tự nhiên truyền thống trong lĩnh vực xây dựng cầu đường - đó là lời khẳng định của các nhà khoa học Nga, qua nhiều công trình nghiên cứu và nhiều ứng dụng thử nghiệm thành công.

Đá bọt thủy tinh được Tập đoàn Rosnano giới thiệu như sản phẩm cải tiến tại Diễn đàn "Các công nghệ cải tiến trong lĩnh vực xây dựng cầu đường" được tổ chức tại Moskva đầu năm 2015 - đây được coi là bước tiến tiếp theo trong việc nghiên cứu ứng dụng các đặc tính của bọt



Vật liệu đá từ thủy tinh bọt trong thi công làm đường

thủy tinh. Tại một dây chuyền sản xuất của Tập đoàn ở thị trấn Kaluga (ngoại ô Moskva), việc chế tạo các vật liệu mới trên cơ sở xử lý rác thủy tinh áp dụng công nghệ nano đang được nghiên cứu. Cốt lõi của quy trình sản xuất là công nghệ biến tính cấu trúc nano trên bề mặt thủy tinh nghiền vụn, từ đó thu nhận đá bọt thủy tinh.

Qua các thử nghiệm, loại đá này sở hữu rất nhiều tính chất cần thiết: Dẫn nhiệt thấp, tính an toàn cháy cao (vật liệu duy trì các đặc tính ban đầu của mình trong ngưỡng nhiệt độ từ -200 tới $+550^\circ\text{C}$), không hút ẩm, hệ số hóa mềm của đá bọt thủy tinh là 0,95 - tương đương với các chỉ số của đá granite. Ngoài ra, vật liệu còn có tính bền rất cao đối với các tác động của môi trường xâm thực, có độ bền vững trong khi khối lượng riêng thấp (xấp xỉ 240 kg/m^3); tính bền nén cao (xấp xỉ 2038 kPa). Với các thông số nêu trên, đây chính là loại vật liệu có tính bền cao nhất trong số các vật liệu cách nhiệt. Vật liệu có thời hạn phục vụ kỷ lục - được xác định bằng thời hạn phục vụ của toàn bộ công trình.

Đá bọt thủy tinh là vật liệu cách nhiệt tốt có cấu trúc rỗng tổ ong. Độ rỗng của đá bọt rất cao ($80 - 90\%$); lỗ rỗng có kích thước $0,25 - 0,5 \text{ mm}$ với thành mỏng. Tùy vào khối lượng thể tích ($150 - 250 \text{ kg/m}^3$), hệ số dẫn nhiệt của vật liệu sẽ chỉ dao động trong khoảng $0,05 - 0,1$

kcal/m.oC.h; ngoài ra còn một số ưu điểm khác như bền nước, bền nhiệt, bền băng giá và cường độ cao. Bọt thủy tinh được ứng dụng phổ biến làm vật liệu cách nhiệt cho các kết cấu bao che của nhà như tường, trần ngăn giữ nhiệt, sàn và mái nhà...; còn đá bọt thủy tinh có rất nhiều ưu điểm để sử dụng trong chuyên ngành xây dựng giao thông, nhất là cây dựng cầu đường, bao trùm nhiều hạng mục như lót nền đường, rải mặt đường; thay thế vật liệu đá tự nhiên, đá dăm trong các trụ cầu, mố cầu...

Tính dẫn nhiệt của vật liệu phụ thuộc độ ẩm của môi trường khí và của hơi nước nằm trong lỗ rỗng. Độ ẩm của vật liệu có ý nghĩa đối với tính dẫn nhiệt nói chung vì hệ số của nước rất lớn (bằng 0,5 kcal/m.oC.h), tức là gấp 25 lần độ dẫn nhiệt của không khí nằm trong lỗ rỗng kín, nhỏ.

Độ hút nước không những làm giảm tính cách nhiệt của vật liệu xốp, mà còn làm giảm cường độ và tuổi thọ của nó. Đá bọt thủy tinh có độ rỗng kín, do đó độ hút nước nhỏ.

Nhờ tập hợp các đặc tính ưu việt của mình, đá bọt thủy tinh có thể được áp dụng để làm nền đường. Theo tính toán của các chuyên gia, việc ứng dụng vật liệu này sẽ giúp giảm giá thành thi công từ 10 - 20%, và chi phí nhân công cũng tương ứng giảm như vậy, do sự đơn giản khi đổ các lớp đá bọt thủy tinh. Chỉ cần đổ đá thành lớp cho tới khi đạt bề dày cần thiết, đầm nén bằng các máy lăn, xe lu kết hợp một số chế độ rung nén khác.

Một sản phẩm cùng loại của Rosnano, có quy trình sản xuất tương đương đá bọt thủy tinh, và chất lượng sản phẩm đầu ra có thể so sánh với các loại sa thạch cũng được giới thiệu tại

Diễn đàn này. Loại sa thạch cải tiến này có cấu tạo thành phần chủ yếu là cát thạch anh, sét, oxyt silic, oxyt sắt, cacbonat canxi. Sự dính kết các hạt cát để tạo nên vật liệu là kết quả từ quá trình kết tủa oxyt silic, hydroxyt sắt và cacbonat canxi trong các lỗ rỗng giữa các hạt cát, sỏi khiến độ đặc sít tăng lên. Cường độ của vật liệu phụ thuộc vào chất lượng chất kết dính và trong các thử nghiệm đạt được rất cao, khoảng 3000 kg/cm². Vật liệu có thể ứng dụng làm đá dăm cho bê tông và để rải mặt đường. Thành quả của Rosnano thực sự có ý nghĩa, nếu chúng ta biết rằng Nga là một trong những quốc gia có trữ lượng cát vàng lớn nhất thế giới.

Cùng với các chuyên gia Cục Đường bộ Liên bang Nga, các chuyên gia Rosnano đã thử nghiệm thành công nhiều lần và khẳng định: Việc ứng dụng đá bọt thủy tinh không chỉ khả thi trong thi công xây dựng, mà cả trong việc cải tạo nâng cấp hoặc sửa chữa cơ bản các tuyến đường quốc lộ, có nghĩa là trong thời gian tiến hành bất cứ công việc nào liên quan tới các đặc điểm kết cấu lớp phủ đường. Tiềm năng ứng dụng vật liệu được đánh giá rất cao. Theo các số liệu thống kê chính thức mới nhất của Cục đường bộ, tính tới đầu năm 2016, có tới 48,4% chiều dài các đường quốc lộ chính cấp Liên bang (khoảng 42,5% tổng diện tích mặt đường) đang ứng dụng loại vật liệu này.

Vladimir Chen

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 22

(ngày 3/6/2016)

ND: Lê Minh

Sự phát triển công nghệ xây dựng khung bê tông cốt thép nhịp lớn tại Liên bang Nga

Các kết cấu khung bê tông cốt thép nhịp lớn được ứng dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trong các công trình dân dụng và công nghiệp, cầu đường, đường ống... Tại châu Âu, rất nhiều cầu

trên đường cao tốc được xây dựng ứng dụng công nghệ này. Các kết cấu được chế tạo bằng ván khuôn có thể điều chỉnh bằng thủy lực theo chiều dài và được hấp nóng nhờ thiết bị đặt

trong ván khuôn giúp cho chất lượng và tuổi thọ của kết cấu được nâng cao. Chất lượng các kết cấu bê tông cốt thép chế tạo theo công nghệ này rất cao, có thể lắp dựng vào vị trí thiết kế mà không cần thao tác hàn. Chính vì thế, tốc độ lắp ghép các kết cấu nói chung được đẩy nhanh. Nhờ sử dụng các cáp dự ứng lực (với lực căng 1600 tấn) và bê tông mác cao (từ B55 trở lên), làm cho cấu kiện có tiết diện tối thiểu. Đồng thời, các lưới cột, các cấu kiện chịu lực, bao che đều được tính toán chi tiết riêng.

Tại Nga, công nghệ xây khung bê tông cốt thép chỉ đang được ứng dụng nhiều trong xây dựng công nghiệp. Trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghệ bước đầu được áp dụng để xây dựng các trung tâm thương mại tại một số thành phố lớn như Moskva, Saint Peterburg, Kazan, Voronezh... Để mở đường đưa công nghệ vào thực tế xây dựng trong nước, năm 2014, nhà máy bê tông cốt thép Cheliabinsk đã lắp đặt dây chuyền sản xuất để chế tạo khung tròn dành cho các kết cấu khẩu độ lớn theo công nghệ bê tông cốt thép lắp ghép, và dành cho việc lắp dựng nhanh các kết cấu đúc sẵn bằng bê tông cốt thép dự ứng lực có khẩu độ lớn.

Tính chính xác cao do sản phẩm được chế tạo trong các ván khuôn điều chỉnh thủy lực (cộng trừ 1mm cho mỗi 30m) là sự bảo đảm cho các sản phẩm kích cỡ khác nhau, và bảo đảm việc lắp ghép các kết cấu từ các module lớn không cần hàn nối với phần gối đệm của kết cấu chịu lực. Đồng thời, số lượng các mối nối lắp ráp được bảo đảm ở mức tối thiểu, không có các liên kết hàn có độ khó tại các góc của kết cấu chịu lực, không cần kiểm tra các liên kết hàn cũng như xử lý mòn gỉ tại các vị trí này. Như vậy, có thể thấy rõ triển vọng gia tăng độ dài các kết cấu dầm nhịp; tổ chức tốt mạng lưới đường ống thoát nước, hệ thống kỹ thuật bên trong kết cấu; khả năng chế tạo các tấm phủ cách nhiệt (ngay tại nhà máy) với khẩu độ lớn tới 30m, sản xuất các cấu kiện của cầu thang tương ứng với mọi kích thước...



Công tác lắp dựng khu chính của lò phản ứng và tháp làm nguội nước bằng quạt (nhà máy điện hạt nhân tại Tây Ban Nha)

Tuy có nhiều ưu điểm vượt trội, công nghệ này cho tới nay còn có quá ít công trình xây dựng trong nước (Nga) áp dụng. Việc thiếu các đơn đặt hàng cho các kết cấu bê tông cốt thép xây dựng tốc độ nhanh - theo ông Aleksandr Zeifert, Tổng Giám đốc nhà máy Cheliabinsk - xuất phát chủ yếu từ lý do các thiết kế xây dựng của Nga hiện nay dựa trên việc ứng dụng các cấu kiện đúc sẵn, theo từng tầng, từng nhịp (khẩu độ). Trong khi đó, các nước tiên tiến đã áp dụng rộng rãi các cấu kiện kích thước lớn hoặc siêu lớn, theo chiều cao và chiều rộng của toàn bộ tòa nhà/ công trình. Tại các góc tiếp giáp giữa các cấu kiện, các lớp đệm đàn hồi được sử dụng rộng rãi tạo khả năng thoát khỏi "góc cứng" và công tác hàn tại từng góc riêng biệt của các kết cấu chịu lực trong tòa nhà/ công trình. Từ đó, tốc độ lắp ghép các kết cấu bê tông cốt thép gia tăng đáng kể, gấp 2 - 3 lần.

Như vậy, để áp dụng công nghệ nêu trên vào các thiết kế xây dựng trong nước, rất cần sự ủng hộ to lớn của các nhà khoa học, các nhà xây dựng, các công ty và Tập đoàn xây dựng trong cả nước. Cũng theo ông A.Zeifert, Nga hiện nay chưa có truyền thống thiết kế và xây dựng các công trình từ các kết cấu kích thước lớn; trong khi đó, các công trình năng lượng nguyên tử của Nga hợp tác với một số nước, đã và đang được xây dựng tại Trung Quốc, Tây Ban Nha, Israel... lại áp dụng rất thành công

công nghệ này. Các nhà xây dựng Nga có thể học hỏi rất nhiều từ việc ứng dụng công nghệ xây lắp nhanh các kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực khẩu độ lớn trong mô hình hợp tác xây dựng nhà máy điện nguyên tử tại Tây Ban Nha. Công trình là minh chứng rất sinh động cho các dự toán sau: Các kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép giá trị bình quân thấp hơn 35 - 40% so với bê tông cốt thép toàn khối và kết cấu kim loại; trong khi tốc độ xây lắp nhanh hơn 12 - 35%. Để có thể hiện thực hóa các ưu điểm này vào các công trình năng lượng nguyên tử trong nước, cụ

thể là các dự án nhà máy điện hạt nhân Novovoronezh - 2, Leningrad - 2, Nga cần huy động tối đa các nguồn lực trong nước, cả về trí tuệ và vật chất. Tiến tới tương lai không xa, Nga sẽ đạt bước tiến mới trong xây dựng dân dụng, với việc áp dụng rộng rãi công nghệ xây khung lắp ghép hoàn toàn bằng bê tông cốt thép.

Aleksey Torba

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 19

(ngày 13/5/2016)

ND: Lê Minh

Khó khăn trong quản lý thi công công trình cao tầng và các biện pháp khắc phục

Cùng với sự phát triển trong tiến trình đô thị hóa, công trình cao tầng trong xây dựng đô thị đang phát huy tác dụng ngày càng quan trọng. Công trình cao tầng có kết cấu phức tạp, quy mô lớn, có nhiều bước thao tác, do đó độ khó trong thi công cũng ngày càng lớn. Trong quá trình thi công, việc tham khảo các phương pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng công trình, rút ngắn thời gian xây dựng và kiểm soát chi phí có vai trò hết sức quan trọng.

1. Đặc điểm thi công của các công trình cao tầng

Công trình cao tầng đòi hỏi thi công cần có chất lượng cao và tính liên tục cao độ, kỹ thuật thi công và tổ chức quản lý phức tạp, ngoài một số đặc điểm có trong thi công công trình nhiều tầng thông thường, còn có những đặc điểm dưới đây: Quy mô công trình lớn, nhiều trình tự thao tác, phối hợp phức tạp, khối lượng công tác chuẩn bị thi công lớn, thời gian thi công dài, tiến độ thi công gấp, móng sâu, công tác xử lý móng và hỗ trợ hố móng phức tạp, nhiều thao tác ở vị trí cao, lượng vận chuyển thẳng đứng lớn, số tầng nhiều, độ cao lớn, yêu cầu an toàn phòng hộ nghiêm ngặt, yêu cầu về lắp đặt kết cấu và chất lượng chống thấm cao, kỹ thuật phức tạp.

Hiện tại, loại hình công trình cao tầng chủ

yếu là khách sạn, tòa nhà văn phòng, tòa nhà thương mại tổng hợp, công trình nhà ở... Nhìn từ đặc tính chức năng công trình, công trình cao tầng thông thường phân thành các bộ phận lớn sau: Tầng ngầm (tầng thiết bị, công trình phòng hộ ngầm), khối đế (địa điểm công cộng), tầng chuyển đổi (tầng kỹ thuật), tầng tiêu chuẩn (văn phòng, phòng khách, phòng chứa...), tầng phi tiêu chuẩn (nhà ăn trên mái, phòng máy trên mái...).

Xét về đặc tính công trình, công trình cao tầng có những đặc điểm sau: Địa điểm thi công và diện tích tác nghiệp nhỏ, nhiều tác nghiệp chuyên ngành đan xen nhau, khối lượng các tác nghiệp chôn sẵn, chờ sẵn lớn, thi công nhiều tại trần nhà và trong giếng đường ống, khối lượng vận chuyển thiết bị, vật liệu lớn.

Công trình cao tầng thông thường do thi công dân dụng, thi công hoàn thiện, thi công lắp đặt tạo thành. Trong đó, thi công lắp đặt chủ yếu do thi công công trình đường ống, thi công công trình điện, thi công công trình điều hòa thông gió và thi công công trình thiết bị.

2. Các vấn đề gặp phải trong thi công công trình cao tầng và những nguyên nhân

- Về phương diện chất lượng kỹ thuật

Hàm lượng khoa học kỹ thuật trong các công

trình hiện đại rất cao, đề cập tới nhiều chuyên ngành, yêu cầu về phương diện chất lượng kỹ thuật trong lắp đặt ngày càng cao, trong khi mỗi một chuyên ngành lại có vị trí không gian và yêu cầu kỹ thuật riêng, đồng thời cũng phải đáp ứng yêu cầu về trình tự thời gian và vị trí không gian của công tác thi công chuyên ngành khác. Vì vậy, trong phương diện kỹ thuật nếu chưa thể xem xét đầy đủ và toàn diện, đặc biệt là một số chi tiết tại các bộ phận đan xen, rất dễ xảy ra vấn đề. Các công trình hiện đại ngày nay đều là những sản phẩm đặc biệt của sự cá tính hóa, mỗi một thiết bị đường ống đều có những yêu cầu riêng, điều này về mặt khách quan đã làm tăng độ khó trong công tác kỹ thuật, làm gia tăng khả năng xuất hiện của các mâu thuẫn và các vấn đề giữa các chuyên ngành với nhau. Ngoài ra, do sự xuất hiện và ứng dụng không ngừng của các kỹ thuật mới, sản phẩm mới, nhân viên thi công không thể kịp thời nắm bắt, điều này cũng tạo ra nhiều vấn đề bất ngờ trong quá trình thi công.

- Về phương diện quản lý

Dưới thể chế quản lý hiện hành, hiện tượng phân thâu của đơn vị thi công tồn tại khá phổ biến, trong giới hạn phạm vi công tác, đơn vị phân thâu rất khó có được sự rõ ràng cụ thể. Về chủ quan, dưới sự hối thúc của lợi nhuận, các đơn vị luôn hy vọng các đơn vị liên quan gánh nhiều công việc hơn, luôn gây ra những thiếu sót trong trình tự công việc, làm gia tăng tính phức tạp trong quản lý. Ngoài ra, việc tổ chức thi công không kiện toàn, tổ chức và trình độ của nhân viên thi công, nhân viên quản lý không đồng đều sẽ mang đến nhiều khó khăn và bất tiện trong công tác.

3. Biện pháp quản lý thi công công trình cao tầng

- Làm tốt kết hoạch thi công

Để chỉ đạo toàn quá trình thi công, đơn vị thi công nên tổ chức thi công và đưa ra phương án quản lý một cách chi tiết, cẩn thận phù hợp với đặc điểm của công trình cao tầng. Nội dung

bao gồm: Sắp xếp trình tự thi công, thời gian tiến hành các tác nghiệp tại công trường, phương pháp thi công các bộ phận quan trọng, đưa ra biện pháp kiểm soát dự phòng đối với các vấn đề chất lượng dễ xảy ra, đưa ra biện pháp bảo hộ đồng bộ ...

- Làm tốt việc kiểm soát tiến độ trong giai đoạn thi công

Về mặt kỹ thuật và chế độ nhân sự, cần xây dựng mô hình quản lý hạng mục khoa học, xác định rõ mỗi một người quản lý và nhân viên thi công đều phải chịu trách nhiệm về mục tiêu, trình tự công tác và biện pháp thưởng phạt trong quá trình thi công, từ đó đạt mục đích nâng cao trình độ quản lý chung.

Đưa ra các phương án kiểm soát tiến độ thi công. Do các công trình hiện đại thường có quy mô lớn, kết cấu công trình cũng như công nghệ thi công phức tạp, chu kỳ xây dựng dài, các đơn vị liên quan nhiều..., tiến độ công trình nhất định chịu ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố. Muốn kiểm soát hiệu quả tiến độ công trình, cần tiến hành phân tích và đánh giá các nhân tố có lợi và bất lợi tác động đến tiến độ, điều này một mặt có thể thúc đẩy việc tận dụng các nhân tố có lợi và dự phòng các nhân tố bất lợi, mặt khác cũng thuận tiện cho việc đề ra các biện pháp dự phòng.

- Kiểm soát nghiêm ngặt những thay đổi trong công trình cao tầng

Vì các nguyên nhân như thiết kế công trình và tình hình thực tế công trình không thể hoàn toàn đồng nhất, trình độ kỹ thuật và năng lực làm việc của nhân viên thiết kế khiến bản vẽ thiết kế chưa đạt tới yêu cầu của nhà khai thác cũng như độ sâu thi công, chủ đầu tư căn cứ tình hình thực tế tiến hành sửa đổi hoặc bổ sung đối với công trình... gây ra những thay đổi về công trình và thiết kế là điều không tránh khỏi. Những thay đổi này chắc chắn sẽ mang tới sự tăng giảm về khối lượng thi công cũng như những thay đổi về chi phí công trình, trong tình hình xấu còn xuất hiện cục diện khó kiểm soát

chi phí công trình. Vì vậy, bộ phận thiết kế cần làm tốt việc điều tra, nghiên cứu, làm rõ ý đồ của chủ đầu tư, tiến hành khảo sát kỹ khu vực thi công, làm tốt thẩm định bản vẽ và các bài toán kỹ thuật. Trong quá trình thi công nên kiểm soát nghiêm ngặt các hạng mục để giảm thiểu sự thay đổi.

- Làm tốt việc quản lý, giám sát thi công công trình cao tầng

Giám sát, quản lý thi công công trình cao tầng là khâu quan trọng nhằm giám sát chất lượng công trình, đảm bảo tiến độ và kiểm soát chi phí công trình. Trong giai đoạn thi công, kỹ sư giám sát cần dựa theo những ưu thế kỹ thuật

mà bản thân có được để đưa ra những lựa chọn chính xác và hợp lý. Hơn nữa, trong quá trình thi công, do những quan điểm lập trường về quan hệ lợi ích giữa đôi bên nên đôi khi cũng xuất hiện những yếu tố ảnh hưởng tới việc tiến hành thi công, giám sát đóng vai trò bên thứ ba sẽ cần phải hài hòa mối quan hệ này, đưa ra những phán đoán và phân tích khách quan, đồng thời thúc đẩy mạnh các hạng mục có lợi.

Lý Gia Giai

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc

Trung Quốc, số 10/2016

ND: Kim Nhan

Giải pháp thiết kế - kiến trúc tổng hợp trong không gian đô thị lịch sử

Lịch sử là một quá trình liên tục. Trong quá trình đó, các đô thị là những chủ thể không ngừng đổi mới, phản ánh trung thực sự tiến hóa của xã hội loài người.

Hình thái cơ bản trong sự phát triển về mặt quy hoạch đô thị của mọi thành phố lịch sử chính là sự tái thiết. Quá trình tái thiết tạo khả năng kiểm soát và cải thiện môi trường không gian một cách hiệu quả, giảm thiểu việc phát triển lộn xộn nội tại trong mỗi đô thị. Sự tái thiết kịp thời cũng là cơ sở để phát triển cấu trúc đô thị hiện hữu hài hòa về mặt lịch sử.

Quy trình tái thiết có biên độ “biến hình” rất rộng - từ sự bảo toàn cấu trúc hiện hữu cho tới giai đoạn phá hủy cấu trúc đó. Một hình thức phát triển khác đối lập hoàn toàn - xây dựng mới - khá hiếm khi được thực hiện tách biệt không cần xét tới vấn đề tái thiết. Các phương pháp phục dựng và xây mới được áp dụng một cách đa dạng đối với các đô thị trong diện được bảo tồn, các thành phố phát triển mạnh, và các thành phố lớn.

Không gian lịch sử - đó là lãnh địa của các công trình di sản lịch sử - văn hóa với không gian bao quanh (khu vực được bảo tồn theo

nhóm). Mỗi di tích đều có bán kính riêng không được vi phạm (khu vực bảo vệ di tích). Khi các khu vực bảo vệ di tích tiếp giáp với nhau sẽ tạo nên khu vực được bảo tồn theo nhóm, tức là không gian lịch sử. Điểm nổi bật ở đây không phải là giá trị của các di tích, mà chính là sự gắn kết, sự hài hòa của các di tích trong khung cảnh thống nhất của không gian lịch sử.

Việc bảo vệ không gian kiến trúc - lịch sử, bảo tồn các di sản văn hóa và chuyển giao cho các thế hệ mai sau là một vấn đề cấp thiết của thời đại.

Trong mỗi đô thị, mọi khu vực đều chịu những biến đổi nhất định theo thời gian. Sự thay đổi và chuyển chức năng từ bộ phận này sang bộ phận khác trong cấu trúc của mỗi đô thị; sự chấn hưng và phát triển, cũng như sự suy thoái của các khu vực khác nhau đi đến kết cục là một phần địa giới đáng kể (về diện tích cũng như vị thế trong cơ cấu chung của đô thị) mất đi những nét đặc trưng của mình. Xét từ góc độ thẩm mỹ, di sản kiến trúc được bảo tồn mà thiếu đi không gian tương đồng xung quanh khó có thể chấp nhận và đánh giá. Chính vì thế, khái niệm di tích kiến trúc tổng hợp trong không gian lịch sử - kiến

trúc của mỗi đô thị hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng. Khái niệm này để chỉ các khu vực lãnh thổ toàn vẹn, trong đó không gian đô thị là tổng hợp các giá trị lịch sử và nghệ thuật, chứ không phải là những công trình/ ngôi nhà đơn lẻ.

Không gian đô thị là sự tổng hòa các điều kiện sống của cư dân. Không gian đô thị lịch sử là sự thể hiện tổng hợp cơ cấu quy hoạch - kiến trúc của đô thị, được hình thành trong một giai đoạn lịch sử kéo dài. Chất lượng của không gian đô thị lịch sử được đánh giá bởi sự tương tác hữu cơ giữa các yếu tố thành phần của không gian đó - các tòa nhà, các quảng trường, đường phố; sự tương thích về mặt không gian giữa những cá thể đó; và sự tương hợp với con người.

Kevin Lynch (nhà quy hoạch đô thị nổi tiếng người Mỹ trong nửa sau thế kỷ XX) đã coi thời gian có một giá trị cực kỳ lớn, như một thành tố của không gian đô thị. Mục tiêu của mỗi kiến trúc sư - theo ông - là bảo đảm những giá trị nhận diện được trong bộ mặt mỗi đô thị.

Không gian đô thị hiện đại không chỉ là những tòa nhà hay công trình, mà còn là con người, ô tô và các phương tiện giao thông khác, các biển hiệu quảng cáo, những yếu tố thuộc về cảnh quan đô thị, hạ tầng đô thị... Trong không gian đó, các di sản kiến trúc chiếm một vị trí rất quan trọng. Các công trình và cấu trúc đô thị được hình thành qua nhiều thế kỷ mang trong mình những thông điệp quý về quá khứ, kết nối lịch sử thành phố với cuộc sống đương đại. Trong tất cả mọi thời kỳ, mọi giai đoạn, mỗi ngôi nhà, mỗi công trình đều cần được hiện đại hóa, nâng cấp trước sức tàn phá của thời gian. Kiến trúc mới, những chức năng đô thị mới kết hợp với các giá trị lịch sử sẽ tạo nên chất lượng thẩm mỹ cho không gian đô thị hiện đại.

Sự thiếu nhất quán trong chính sách quy hoạch đô thị, sự phiến diện dẫn tới những “đứt đoạn” và thiếu logic trong việc xây dựng phong nền từng phân đoạn lịch sử, phá vỡ các mối liên kết về văn hóa - xã hội, dẫn tới việc suy giảm sức hút về thẩm mỹ và văn hóa của bộ mặt đô

thị, và làm suy thoái không gian đô thị.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của đô thị, nhu cầu có thêm diện tích cũng như chức năng, nhu cầu hiện đại hóa của mỗi đô thị đều gia tăng. Tại phần lớn các đô thị hiện đại, hạt nhân lịch sử đồng thời kiêm cả một phần chức năng trung tâm thương mại, trung tâm làm việc, trung tâm văn hóa... nên chịu áp lực tải trọng cơ bản. Việc thiết kế và xây dựng trong một không gian đã được định hình là môi trường đặc thù nhất cho hoạt động của các kiến trúc sư, các nhà thiết kế.

Về nguyên tắc, việc xây dựng mới bên trong các công trình có giá trị về mặt lịch sử chỉ được dành những diện tích khá khiêm tốn; vì vậy, đối với kiến trúc sư, điều quan trọng là cần tận dụng các diện tích này để đạt hiệu quả tối đa.

Nhiệm vụ chính yếu của bất cứ người làm công việc kiến trúc tham gia thiết kế trong không gian lịch sử nằm trong hai mảng quan trọng:

- Bảo tồn không gian lịch sử - kiến trúc xung quanh, tính toàn vẹn của công trình di tích lịch sử cùng tất cả những yếu tố thành phần tạo nên công trình đó;

- Cải tạo không gian lịch sử - kiến trúc xung quanh phù hợp với nhu cầu của cuộc sống hiện đại; thiết lập được trong thiết kế của mình những mối tương tác hài hòa giữa cái cũ và cái mới, giữa hiện đại và truyền thống.

Để có thể đưa công trình mới vào một di tích lịch sử hiện hữu mà không phá vỡ hoặc làm thay đổi tính toàn vẹn vốn có, cần có giải pháp thiết kế tổng thể. Những nhân tố có thể ảnh hưởng tới việc lựa chọn giải pháp kiến trúc, số liệu thống kê, các tác động tích cực (cũng như tiêu cực) tới không gian xung quanh cần được nghiên cứu kỹ và dự báo rõ ràng. Sau khi phân tích đầy đủ mọi yếu tố mới có thể đi tới kết luận bằng những công cụ hiện đại nào, giải pháp nào có thể khẳng định giá trị của di sản lịch sử, hoặc ngược lại, làm mất đi toàn bộ giá trị của nó. Các nhân tố tác động tới sự lựa chọn giải pháp kiến trúc cho một công trình hay hạng mục mới trong không gian lịch sử

hiện hữu có thể xác định như sau:

Những yếu tố “tĩnh”, không biến đổi:

- Yếu tố về mặt quy hoạch đô thị: Cần hiểu rõ vai trò của khu vực đó trong cơ cấu đô thị nói chung: trung tâm hành chính; các khu chức năng văn hóa, làm việc, học tập, thương mại, hỗn hợp, ...

- Yếu tố về mặt quy hoạch - kiến trúc: Nghiên cứu vị trí công trình (nằm trên trục giao thông chính; trong ngõ phố; trên đại lộ; giữa khu dân cư; tại khu vực nhà máy/ phân xưởng công nghiệp cũ...); nghiên cứu mạng lưới các tuyến phố, quy mô các ngôi nhà.

- Yếu tố về mặt không gian - kiến trúc: Vị trí công trình trong hệ thống thông tin bằng mắt: điểm nổi bật, góc cố định, các trục bố cục, hình dáng, đặc điểm chiều cao...

- Khoảng cách và tốc độ di chuyển để có thể cảm nhận được công trình;

- Các đặc điểm về cảnh quan của khu vực: Công trình có thể nằm bên bờ sông (biển), gần công viên, vườn hoa, nằm tại những địa hình khác nhau...

Những yếu tố “động”, linh hoạt liên quan tới việc sử dụng chức năng của không gian đô thị. Những tính chất này có thể thay đổi trong vòng một ngày đêm, một tháng, một năm hoặc lâu hơn - trong vòng vài thập kỷ. Thông thường rất khó xem xét trước vấn đề này, song cần tính tới. Các kiến trúc sư thường tính toán những tính chất đặc trưng nhất đối với việc sử dụng công trình ở thời hiện tại hoặc để xuất sử dụng trong tương lai.

- Yếu tố xã hội: Nghiên cứu thành phần nghề nghiệp, lứa tuổi, các tầng lớp của cư dân; trình độ văn hóa, giáo dục; chú ý các vấn đề: công trình được thiết kế phục vụ việc định cư, tạm cư hay cư trú theo thời kỳ; công trình được tính toán phục vụ số đông người, hay chỉ số ít khách vãng lai...

- Yếu tố kinh tế: Vấn đề ngân sách quyết định rất nhiều tới bộ mặt kiến trúc của công trình, tới nguyên vật liệu xây dựng và gia công. Chất

lượng không gian có thể được cải thiện, cũng có thể bị xuống cấp hơn bởi các công trình mới.

Các yếu tố tâm lý và cảm xúc: “Ký ức về vị trí” chính là một yếu tố tác động mạnh tới diện mạo kiến trúc của công trình.

- Phân tích các công trình bao quanh về ảnh hưởng tới nền cảm xúc chung;

- Sự hiện hữu của các công trình tưởng niệm lưu giữ ký ức về các sự kiện lịch sử, các di tích lịch sử và văn hóa;

- Âm thanh là một trong các tính chất rất có ý nghĩa khi hình thành yếu tố cảm xúc - sự yên tĩnh, tiếng lá cây xào xạc, tiếng chuông, âm thanh của xe cộ, tiếng cười đùa của trẻ nhỏ... đều có thể đóng vai trò cảm xúc trong việc xác định một môi trường tâm lý.

Các yếu tố bố cục - nghệ thuật và thẩm mỹ cần được phân tích kỹ:

- Phân tích các giá trị nổi bật của không gian lịch sử;

- Nghiên cứu cơ cấu của khu vực, các mối liên quan cũng như sự thống nhất của các công trình trong khu vực;

- Nghiên cứu các module, quy mô, nhịp điệu của các công trình/ tòa nhà tiếp giáp với công trình thiết kế, và rộng hơn đối với không gian bao quanh;

- Chú trọng phong cách kiến trúc, loại công trình, sự cân đối về số lượng;

- Áp dụng các vật liệu mặt tiền, màu sắc, chi tiết cho các công trình.

Trong sự đa dạng của các giải pháp bố cục, có thể phân ra hai giải pháp kiến trúc quan trọng trong xây một công trình mới trong không gian lịch sử vốn có của đô thị - phân đoạn (tức là công trình vươn lên và được xây dựng từ một phân đoạn của không gian xung quanh); và ngoài phân đoạn (đối lập với nó). Mỗi giải pháp đều có mặt tích cực của mình, không loại trừ cả các mặt tiêu cực. Trong từng trường hợp cụ thể, có thể áp dụng các giải pháp mang phong cách khác nhau cho công trình được thiết kế - đó là cách điệu hóa không gian lịch sử, kết hợp với

kiến trúc hiện đại.

Cách điệu hóa, mô phỏng và tương tác trực tiếp từ các phong cách kiến trúc của quá khứ (biện pháp thông thường các kiến trúc sư hay áp dụng khi xây dựng trong không gian lịch sử) tuy làm cho công trình trở nên hữu cơ, kháng khí, song dường như chưa thể đạt sự tin cậy tuyệt đối. Một thành phố lịch sử luôn mang trong mình sự pha trộn của nhiều tầng lịch sử, nhiều phong cách lịch sử. Sự mô phỏng trong kiến trúc sẽ phần nào làm mất đi những cảm nhận chân thực về chiều sâu, bề dày lịch sử.

Kết quả của những giải pháp kiến trúc tổng hợp, các yếu tố nổi bật trong giai đoạn nghiên cứu tiền thiết kế sẽ làm cơ sở để thiết lập các nguyên tắc thuộc về giải pháp quy hoạch đô thị,

tổ chức về mặt không gian - kiến trúc cho công trình. Kiến trúc sư là người xác lập những yếu tố ưu tiên, đưa các kinh nghiệm và sự lành nghề của bản thân vào quy trình thiết kế.

Khi bảo tồn khung kết cấu và kết hợp tốt các quy tắc, tác phẩm của kiến trúc sư sẽ không xung đột với không gian lịch sử mà tạo nên một quần thể duy nhất với không gian lịch sử bao quanh, qua đó bảo vệ tính hữu cơ, khả năng sinh tồn và sự bền vững trước những biến đổi theo thời gian của không gian đô thị .

Deviatova Aleksandrovna

*Nguồn: Chuyên san trường ĐH Xây dựng-
Kiến trúc Saint Peterburg (Nga) tháng 8/2015*

ND: Lê Minh

Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ làm việc tại Bộ Xây dựng

Ngày 23/8/2016, Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân - Phó Trưởng ban thường trực làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc tại Bộ Xây dựng. Dự buổi làm việc có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà, Thứ trưởng Đỗ Đức Duy và lãnh đạo các Vụ, Cục, Văn phòng, Thanh tra, Trung tâm Thông tin của Bộ Xây dựng.

Tại buổi làm việc, Đoàn kiểm tra đã nghe Bộ Xây dựng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 và tham gia ý kiến với Bộ Xây dựng về công tác này.

Theo Báo cáo của Bộ Xây dựng, thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch CCHC của Bộ Xây dựng giai đoạn 2011-2015 (theo Quyết định số 242/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 19/3/2012), Bộ Xây dựng đã ban hành đầy đủ và chỉ đạo tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về CCHC năm 2015, 2016: Kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành...; chỉ đạo sơ kết công tác CCHC giai đoạn 2011 - 2015 và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2016 - 2020; bố trí kinh phí cho công tác CCHC năm 2015; quán triệt các đơn vị tập trung nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ CCHC, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính; phân công các đơn vị chức năng theo dõi, thực hiện các nhiệm vụ CCHC liên quan đến các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và công tác CCHC ngành Xây dựng; tổ chức tiếp nhận, xử lý các phản ánh,



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi làm việc

kiến nghị của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân về quy định hành chính và thủ tục hành chính thông qua Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Xây dựng và các kênh thông tin khác...

Trong các chương trình, kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết của Chính phủ đều xác định rõ nhiệm vụ về CCHC trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; phân công rõ ràng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và xác định thời hạn cụ thể, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ: Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống thể chế; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng Chính phủ điện tử; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện giao khoán biên chế, kinh phí hoạt động thường xuyên đối với cơ quan hành chính; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành xây dựng.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được trong công tác CCHC của Bộ Xây dựng, Báo cáo cũng chỉ ra một số tồn tại, hạn chế, đó là tình trạng soạn thảo, ban hành một số Thông tư hướng dẫn của Bộ còn chậm so với kế



Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân - Trưởng đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ phát biểu kết luận tại buổi làm việc với Bộ Xây dựng

hoạch; công tác CCHC tuy đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ so với yêu cầu thực tiễn; công tác cải cách bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại một số đơn vị thuộc Bộ còn hạn chế; việc kiểm tra thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chưa được thường xuyên, kịp thời...

Để đẩy mạnh công tác CCHC trong năm tới, Báo cáo của Bộ Xây dựng đã đề ra 10 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nỗ lực tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thể chế; rà soát, chuẩn hóa và công bố công khai thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia; đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng và các đơn vị trực thuộc Bộ; triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm tại các cơ quan hành chính, phê duyệt đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp; tập trung triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và kế hoạch thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ về Chính phủ điện tử, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành



Thủ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy báo cáo về công tác CCHC của Bộ Xây dựng

chính và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng...

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà bày tỏ vui mừng và hoan nghênh đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ đến làm việc tại Bộ Xây dựng về công tác CCHC, đồng thời coi đây là dịp để lãnh đạo Bộ Xây dựng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong Bộ Xây dựng kiểm tra, đánh giá lại các công việc của mình trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của Chính phủ về CCHC.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, trong thời gian qua, mặc dù công tác CCHC, cải cách thủ tục hành chính đã được Bộ Xây dựng tích cực đẩy mạnh và có nhiều cố gắng, nhưng có những việc còn chưa triển khai được hoặc triển khai còn chậm, những việc đã triển khai nhưng kết quả còn chưa chắc chắn, thành tích của Bộ Xây dựng trong bảng xếp hạng CCHC đã có bước tiến lớn, tuy nhiên mức độ thành công của CCHC cần phải được đo bằng sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Trong thời gian tới, trong số 10 nội dung định hướng CCHC của Bộ Xây dựng, Bộ sẽ tập trung chỉ đạo quyết liệt một số nội dung trọng điểm như: Nâng cao chất lượng công tác thể chế theo hướng đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, vì lợi ích của xã hội, giảm thiểu và đơn giản hóa các thủ tục hành chính; rà soát chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy

của Bộ Xây dựng với mục tiêu không chồng chéo, không bỏ sót, bộ máy tinh gọn, hiệu lực, sắp xếp và quy hoạch lại khối đơn vị sự nghiệp; nâng cao chất lượng hoạt động, tinh thần phục vụ của cán bộ công chức; thực hiện Chính phủ điện tử.

Sau khi nghe báo cáo của Bộ Xây dựng và ý kiến phát biểu của Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và ý kiến đóng góp của các thành viên đoàn kiểm tra, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân đã kết luận buổi làm việc.

Thay mặt đoàn kiểm tra, Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân cảm ơn Bộ Xây dựng đã chuẩn bị báo cáo tương đối đầy đủ, chính xác, đáp ứng yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân cho biết, ngành Xây dựng có tác động rất lớn đến sự phát triển chung của kinh tế xã hội và đất nước, nên nếu khâu thủ tục hành chính được cải cách tốt thì sẽ tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội của đất nước phát triển nhanh hơn. Trong thời gian qua, Bộ Xây dựng đã triển khai đồng bộ các nội dung CCHC theo Nghị quyết 30c của Chính phủ, và đã đạt được những kết quả quan trọng, thể hiện thông qua các số liệu của công tác xây dựng thể chế, cải cách thủ tục hành chính, tạo ra sự chuyển biến tích cực ở các địa phương và các Bộ, Ngành khác trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, công tác CCHC của Bộ Xây dựng đã được triển khai có trọng tâm, trọng điểm.

Theo Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân, chỉ số CCHC của Bộ Xây dựng năm 2015 đạt khá, xếp thứ 7, tuy nhiên đề nghị Bộ Xây dựng quan tâm phân tích các chỉ số thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính của mình để xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, yếu kém.

Đồng tình với 10 nội dung định hướng CCHC trong thời gian tới của Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân đề nghị Bộ Xây dựng duy trì việc xây dựng kế hoạch CCHC của từng năm; tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiểm soát chặt chẽ thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh CCHC gắn với ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp tục thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ về Chính phủ điện tử, triển khai các dịch vụ công trực tuyến cấp 3 - 4.

Trong thời gian tới, Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ để rà soát biên chế theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt; tiếp tục tinh giản biên chế, sắp xếp và thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; phối hợp với các Bộ, Ngành để xử lý các chức năng còn chồng chéo; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về tình hình triển khai công tác CCHC; tăng cường theo dõi đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Minh Tuấn

Hội nghị trụ bị cho Kỳ họp thứ 34 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cu Ba

Ngày 23/8/2016, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị trụ bị cho Kỳ họp thứ 34 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cu Ba (diễn ra vào tháng 10/2016), với sự tham dự của đại diện các Bộ, Ngành, Ngân hàng Nhà nước, các doanh nghiệp. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng chủ trì Hội nghị.

Nhờ sự quan tâm của Chính phủ 2 nước, hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và

Cu Ba trong những năm qua ngày càng được chú trọng phát triển. Năm 2015, kim ngạch trao đổi thương mại giữa 2 nước đạt 218,2 triệu USD. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Cu Ba đạt khoảng 214,6 triệu USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2014. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Cu Ba chủ yếu là: Gạo, cà phê, sản phẩm hóa chất, gốm sứ, máy móc thiết bị, phụ tùng. Việt Nam nhập khẩu từ



Thủ tướng Lê Quang Hùng phát biểu tại phiên họp Cu Ba chủ yếu là vác xin và được phẩm.

Đến nay, Chính phủ 2 nước đã có nhiều nỗ lực nhằm cụ thể hóa các dự án đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại Cu Ba trong lĩnh vực: Năng lượng, du lịch, công nghệ sinh học, sản xuất lương thực, thăm dò và khai thác dầu khí, sản xuất đường, công nghệ thông tin. Việt Nam và Cu Ba cũng đã tổ chức trao đổi thông tin giữa các cơ quan Xúc tiến thương mại và Phòng Thương mại của 2 nước về những bản chào sản phẩm và các dịch vụ xuất khẩu cũng như những dự án đầu tư để phổ biến đến doanh nghiệp, nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại và nâng cao kim ngạch xuất, nhập khẩu giữa 2 nước.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, 2 nước đánh giá Dự án “Hợp tác Việt Nam - Cu Ba phát triển sản xuất lúa, gạo tại Cu Ba giai đoạn 2010 - 2015” cơ bản đạt được các mục tiêu đề ra. Phía Cu Ba bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam về hợp tác phát triển lúa, gạo từ năm 2016 để nhân rộng kết quả đã đạt được trong giai đoạn trước. Hai nước cũng đã phối hợp thực hiện Dự thảo Văn kiện dự án hợp tác lúa gạo giai đoạn 2017 - 2020 và đang chờ ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành phía Việt Nam.

Trong lĩnh vực xây dựng, từ tháng 12/2015 - 7/2016, Tổng công ty VIGLACERA đã cử các đoàn công tác sang Cu Ba làm việc với đối tác Cu Ba Geicons nhằm hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho việc sản xuất vật liệu xây dựng tại các nhà máy ở San Jose và Santa Cruz để trình Bộ Ngoại thương và



Quang cảnh phiên họp

Đầu tư nước ngoài Cu Ba xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư và giấy phép thành lập liên doanh vào tháng 10/2016, trong khuôn khổ Kỳ họp thứ 34 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cu Ba.

Đặc biệt, tháng 4/2016, đoàn công tác Bộ Xây dựng - đại diện Phân ban Việt Nam do Thủ tướng Lê Quang Hùng làm Trưởng đoàn với sự tham gia của một số doanh nghiệp đã sang Cu Ba gặp gỡ, trao đổi với Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cu Ba, Bộ Xây dựng và Bộ Du lịch Cu Ba nhằm đẩy nhanh quy trình thủ tục cho các dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Cu Ba.

Phát biểu tại Hội nghị, Thủ tướng Lê Quang Hùng nhấn mạnh trọng tâm của mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam - Cu Ba trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo là tăng cường tính thiết thực, hiệu quả. Để hiện thực hóa mong muốn ấy, Bộ Xây dựng luôn chủ động nghiên cứu, tìm tòi các giải pháp nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp có nhu cầu tăng cường hợp tác với Cu Ba.

Tham dự Hội nghị, đại biểu các Bộ, Ngành, các doanh nghiệp đã đề xuất nhiều nội dung hợp tác với đối tác Cu Ba tại Kỳ họp thứ 34 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cu Ba, thuộc các lĩnh vực: Xây dựng, vật liệu xây dựng, nông nghiệp, y tế, năng lượng, khoa học công nghệ, tài chính, giáo dục, văn hóa. Các đại biểu đề nghị Cu Ba tiếp tục tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam đang và sẽ hoạt động tại Cu

Ba cũng như các dự án của doanh nghiệp Việt Nam được triển khai tại quốc gia này.

Bên cạnh đó, đại diện các Bộ, ngành, doanh nghiệp cũng kiến nghị các đối tác phía Cu Ba cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung hợp tác đã được thỏa thuận giữa 2 bên, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa 2 nước.

Kết thúc Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cảm ơn các đại biểu đã tham dự và đề

xuất những nội dung hợp tác với đối tác Cu Ba ở Kỳ họp thứ 34 Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cu Ba. Thứ trưởng yêu cầu Vụ Hợp tác quốc tế (Bộ Xây dựng) khẩn trương tổng hợp những ý kiến đóng góp của đại diện các Bộ, ngành, Ngân hàng Nhà nước và các doanh nghiệp để gửi lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét trình Thủ tướng Chính phủ.

Trần Đình Hà

Bộ Xây dựng tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen của Bộ trưởng cho chuyên gia Chương trình Nước và Vệ sinh tại các thị trấn ở Việt Nam

Ngày 25/8 /2016, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Lễ trao tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho các chuyên gia và cán bộ của Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam. Tham dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng; Phó Đại sứ Phần Lan tại Việt Nam - bà Elina Poikonen; Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng kiêm Giám đốc Chương trình Nước và Vệ sinh tại các thị trấn nhỏ - PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến; đại diện các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Sở Xây dựng các tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Hưng Yên, Thái Bình; ông Hannu Vikman - trưởng đoàn tư vấn hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình và các cộng sự, các cán bộ của Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng, Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam.

Tại buổi Lễ, Thứ trưởng Lê Quang Hùng chúc mừng ông Hannu Vikman và các cán bộ đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen, đây là sự ghi nhận những thành tích và đóng góp quan trọng của Tư vấn trưởng Hannu Vikman và các thành viên trong đoàn tư vấn cho sự thành công của Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam do Chính phủ Phần Lan tài trợ



Thứ trưởng Lê Quang Hùng trao Kỷ niệm chương của Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho ông Hannu Vikman

(giai đoạn III từ 2013 đến 2016).

Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết, Việt Nam và Phần Lan có quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực Nước và Vệ sinh môi trường. Những kết quả hợp tác và nguồn vốn hỗ trợ của Phần Lan trong suốt hơn 30 năm qua đã góp phần đáng kể về cải thiện dịch vụ cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh của Việt Nam, thúc đẩy phát triển kinh tế các tỉnh có dự án, cải thiện đời sống của người dân Việt Nam.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cảm ơn sự giúp đỡ có hiệu quả của Chính phủ Phần Lan, Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam đối với Bộ Xây dựng trong việc



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu tại buổi Lễ

tài trợ kinh phí, cử chuyên gia tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho Chương trình, giúp Bộ Xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách, tăng cường năng lực về thể chế, cải cách công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Sau Lễ trao tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen của Bộ trưởng, PGS.TS Nguyễn Hồng



Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Nguyễn Hồng Tiến chủ trì Phiên họp lần thứ 8 của Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam

Tiến đã chủ trì Phiên họp lần thứ 8 của Chương trình Nước và Vệ sinh cho các thị trấn nhỏ tại Việt Nam để đánh giá kết quả thực hiện các kết luận của Phiên họp lần thứ 7 và tình hình thực hiện Giai đoạn III, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình trong năm 2016.

Minh Tuấn

Hội nghị phổ biến các Thông tư hướng dẫn Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Tập huấn sử dụng phần mềm sát hạch chứng chỉ hoạt động xây dựng

Ngày 29/8/2016 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị phổ biến các Thông tư hướng dẫn Nghị định 59/NĐ-CP và Tập huấn sử dụng phần mềm sát hạch chứng chỉ xây dựng. Cục trưởng Cục Hoạt động Xây dựng Bùi Trung Dung đến dự và phát biểu khai mạc Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có trên 200 đại biểu đại diện các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành của các địa phương khu vực phía Bắc, các ban quản lý dự án và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Cục trưởng Cục Hoạt động xây dựng Bùi Trung Dung cho biết, Luật Xây dựng 2014 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2015 có nhiều điểm mới và thay đổi so với Luật



Cục trưởng Cục Hoạt động Xây dựng Bùi Trung Dung phát biểu khai mạc Hội nghị

Xây dựng 2003. Trong đó, nổi bật lên các quan điểm về tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng, nâng cao chất



Chuyên gia cao cấp Hoàng Thọ Vinh phổ biến các Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2015/NĐ-CP

lượng công trình, phòng chống tham nhũng, lãng phí; quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng; minh bạch hóa các quy trình, thủ tục hành chính; sắp xếp và tổ chức lại các ban quản lý dự án chuyên ngành và khu vực theo hướng chuyên nghiệp...

Để hướng dẫn Luật Xây dựng 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2015/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 05/8/2015 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Xây dựng 2014 và Bộ Xây dựng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 59/2015/NĐ-CP bao gồm: Thông tư số 14/2016/TT-BXD hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam; Thông tư số 15/2016/TT-BXD hướng dẫn về cấp phép xây dựng; Thông tư số 16/2016/TT-BXD hướng dẫn về hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thông tư số 17/2016/TT-BXD hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng và Cục Hoạt động Xây dựng, Cục trưởng Bùi Trung



Toàn cảnh Hội nghị

Dung mong muốn các đại biểu dự Hội nghị nêu lên các vấn đề quan tâm cũng như những vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 59/NĐ-CP để Bộ Xây dựng nghiên cứu, tiếp thu và kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định này trong thời gian tới.

Tại Hội nghị này, các đại biểu đã được nghe chuyên gia cao cấp Hoàng Thọ Vinh - nguyên Phó Cục trưởng Cục Hoạt động xây dựng giới thiệu những nội dung căn bản của các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, đi sâu vào những điểm mới của công tác cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; hoạt động thẩm định, thẩm tra thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán các dự án sử dụng các nguồn vốn khác nhau; việc thành lập các ban quản lý dự án chuyên ngành và khu vực; các quy định mới về cấp giấy phép xây dựng; quy định mới về việc sát hạch, cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng...

Tại Hội nghị, Cục Hoạt động Xây dựng đã ghi nhận và trực tiếp giải đáp những câu hỏi, vấn đề quan tâm của đại diện các Sở, ngành địa phương về Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Cũng tại Hội nghị, các địa biểu đã được tập huấn về Phần mềm sát hạch chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng - đây là phần mềm sẽ được triển khai trên toàn quốc trong thời gian tới.

Minh Tuấn

Dự trữ và gia tăng cung ứng hiệu quả nguồn nhà ở xã hội tại thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc

Kể từ năm 2010, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc đã bắt đầu triển khai thực hiện tích cực đảm bảo nhà ở cho thuê công cộng, đồng thời đã đưa ra con đường mới trong quản lý xây dựng nhà ở cho thuê công cộng phù hợp với thực tế tại thành phố, hình thành nên mô hình mới đảm bảo nhà ở xã hội với “Chính phủ chỉ đạo, xã hội tham gia, xây dựng là chính, tích trữ là phụ”. Tính đến tháng 9/2014, thành phố tổng cộng đã xây dựng và huy động được 95,8 nghìn căn nhà ở cho thuê công cộng, trong đó, dự trữ 15,6 nghìn căn nhà ở cho thuê công cộng, chiếm 16,3% tổng lượng huy động nhà ở cho thuê công cộng cùng kỳ. Thành phố Tây An thông qua biện pháp dùng lượng nhà ở tồn kho làm nhà ở cho thuê công cộng, thực hiện vận hành và phát triển bền vững, có được sự thừa nhận của người dân cũng như các chủ đầu tư nhà ở, thu được hiệu quả và lợi ích xã hội tốt đẹp.

I. Biện pháp chủ đạo

1. Thực hiện khảo sát rồi thực thi

Việc dự trữ nguồn nhà ở xã hội là một công tác sáng tạo trong thực thi nhà ở cho thuê công cộng. Trước khi triển khai công tác này, Cục Quản lý nhà ở thành phố Tây An đã tiến hành rất nhiều điều tra, nghiên cứu, đồng thời tổng kết ra 3 điều kiện tiên quyết để triển khai dự trữ nguồn nhà ở xã hội: *Thứ nhất*, tổng lượng nhà ở cho thuê công cộng không đủ hoặc cung ứng mang tính giai đoạn không đủ; *Thứ hai*, các cơ cấu, tổ chức nhà ở xã hội đầy đủ, năng lực công tác vững vàng; *Thứ ba*, nguồn nhà ở dạng căn hộ nhỏ cho thuê đầy đủ, đặc biệt là tại khu vực có nhiều nhà ổ chuột, nguồn nhà dư thừa sau cải tạo tại vùng nông thôn trong thành phố.

2. Thành lập cơ cấu dự trữ

Tại các khu vực, thành phố Tây An đều thành lập 7 cơ cấu dự trữ, phụ trách các công

việc như công bố thông báo, tiếp nhận kiểm tra nhà ở, ký kết hợp đồng lưu trữ cho thuê, chi trả và thu tiền thuê, quản lý thường nhật...

3. Xác định tiêu chuẩn nguồn nhà dự trữ

Nguồn nhà ở xã hội dự trữ cần tuân thủ nguyên tắc rõ ràng về quyền tài sản, chủ đầu tư tự nguyện, giá thuê thị trường, quan hệ pháp luật rõ ràng để triển khai công việc. Nguồn nhà dự trữ cần có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc chứng minh quyền tài sản rõ ràng, về nguyên tắc diện tích căn hộ được khống chế trong 60 m², đối với căn trên 60m² có vị trí tương đối đẹp có thể dự trữ để sử dụng làm nhà ở thấp thể cho những người lao động nhập cư, tiền thuê thị trường của nguồn nhà cần căn cứ theo điều kiện kinh tế và đối tượng bảo đảm nhà ở cho thuê, thông thường, giá thuê không vượt trên 25 NDT/m².

4. Kiên trì nguyên tắc tự nguyện

Chủ đầu tư nhà ở tự nguyện ký kết hợp đồng cho thuê dài hạn với cơ cấu dự trữ (khoảng 8 năm), giá thuê căn cứ theo giá thị trường, hợp đồng xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ đôi bên. Cơ cấu dự trữ sẽ ký hợp đồng cho thuê nhà ở công cộng với hộ gia đình tự nguyện thuê, tiền thuê bằng 80% tiền thuê dự trữ (thông thường từ 15 - 20 NDT/m²), xác định rõ việc sử dụng và trách nhiệm đối với ngôi nhà và các thiết bị của ngôi nhà.

5. Phương thức dự trữ linh hoạt

Trong dự trữ nhà ở, đối với mỗi quan hệ cho thuê đã được hình thành, chủ đầu tư tự nguyện cho cơ cấu dự trữ thuê dài hạn, đồng thời người thuê nhà phải phù hợp điều kiện thuê nhà ở cho thuê công cộng, ba bên gồm cơ cấu dự trữ, chủ đầu tư nhà ở và người đi thuê sẽ ký hợp đồng, căn cứ tiêu chuẩn 5 NDT/m² để hỗ trợ cho các đối tượng gia đình cần đảm bảo về nhà ở cho thuê công cộng, diện tích hỗ trợ không vượt quá

60m². Như vậy vừa có thể giải quyết vấn đề khó trong quản lý nguồn nhà ở không tập trung, lại giải quyết được vấn đề dự trữ nguồn nhà ở trống, nhàn rỗi.

6. Can thiệp sớm

Đối với các hạng mục cải tạo tại khu ổ chuột hoặc khu vực nông thôn tại đô thị, khi đưa ra phương án cải tạo, cần trung cầu trước ý kiến tháo dỡ của quần chúng, ngoài sử dụng cho nhà ở tái định cư tự chủ ra, còn sử dụng cho nhà ở tái định cư cho thuê, thống nhất tập trung quy hoạch xây dựng, đồng thời ký kết với hộ tháo dỡ về mục đích dự trữ, đợi sau khi nhà ở tái định cư phân phối xong, căn cứ giá thuê thị trường để ký kết hợp đồng dự trữ chính thức, nhà ở sau dự trữ sẽ do cơ cấu dự trữ tiến hành sửa chữa thống nhất và cho các gia đình cần đảm bảo về nhà ở thuê, tiền thuê bằng 80% giá thị trường.

II. Thành quả chủ đạo

Hiện tại, trong số 15,6 nghìn căn nhà ở cho thuê công cộng đã dự trữ tại thành phố Tây An, có 11,8 nghìn căn nhà ở hiện có đủ điều kiện cho thuê, 3,8 nghìn căn nhà ở tái định cư tại khu vực nhà ổ chuột và khu vực nông thôn trong thành phố chưa phân phối. 11,3 nghìn căn nhà đã cho thuê, tỷ lệ cho thuê đạt 96%, tỷ lệ thu tiền thuê đạt trên 95%, thực hiện được mục tiêu thắng lợi đối với chủ đầu tư nhà ở, gia đình cần đảm bảo nhà ở và an sinh xã hội

1. Chủ đầu tư nhà ở được lợi

Thứ nhất, tiền thuê không giảm, tiến hành theo tình hình thị trường: Cơ cấu dự trữ căn cứ giá thị trường chi trả tiền thuê. *Thứ hai*, miễn giảm thuế, tăng thu lợi: Thu nhập từ tiền thuê có được khi dự trữ nhà ở cho thuê công cộng được miễn thuế kinh doanh, thuế bất động sản. *Thứ ba*, cho thuê dài hạn, tránh nhàn rỗi: Ký kết 1 lần hợp đồng dự trữ 8 năm với cơ cấu dự trữ, tiền thuê được đảm bảo, tránh để nhà ở nhàn rỗi. *Thứ tư*, thuận tiện, nhanh chóng: Chủ đầu tư nhà ở không gặp khó khăn khi cho thuê nhà ở, tức tiết kiệm được phí trung gian, lại tiết kiệm

được thời gian và sức lực, còn hỗ trợ sự nghiệp nhà ở xã hội.

2. Đối tượng được đảm bảo nhà ở

Thứ nhất, giá thuê rẻ, giảm bớt gánh nặng tài chính: Chênh lệch tiền thuê do tài chính gánh vác, tiền thuê sẽ căn cứ theo tình hình thu nhập của các hộ gia đình cần đảm bảo về nhà ở. *Thứ hai*, ưu thế vị trí, đồng bộ và đầy đủ: Nguồn nhà ở dự trữ chủ yếu nằm ở khu đô thị, vị trí tốt, cơ sở hạ tầng đô thị đầy đủ, hoàn thiện, thuận tiện cho cư trú và sinh hoạt của các đối tượng cần đảm bảo. *Thứ ba*, phương thức linh hoạt, phù hợp ý dân: Có thể trực tiếp xin thuê từ nguồn nhà ở hiện có mà chính quyền dự trữ, vừa có thể căn cứ nhu cầu tự thân, tự thuê nhà ở tại khu vực bản thân làm việc hoặc sinh sống, sau khi được sự đồng ý của chủ đầu tư nhà ở, thống nhất đưa vào quản lý nhà ở cho thuê công cộng dự trữ.

3. Chính quyền tiết kiệm được nguồn vốn

Thứ nhất, đẩy nhanh cung ứng hiệu quả nguồn nhà ở: Tận dụng nguồn nhà ở xã hội, giải quyết được mâu thuẫn cung ứng không đủ mang tính giai đoạn về nhà ở cho thuê công cộng, rút ngắn chu kỳ xây dựng, đẩy nhanh cung ứng, nâng cao tỷ lệ đảm bảo. *Thứ hai*, tiết kiệm kinh phí xây dựng: Thông qua tính toán, tài chính mỗi năm phải gánh vác 60 NDT mỗi m² chênh lệch tiền thuê, nếu xét tiền thuê thời kỳ nhàn rỗi mỗi năm khoảng 25 NDT, mỗi năm tài chính sẽ hỗ trợ khoảng 85 NDT cho mỗi m², tính trong 10 năm, tổng cộng hỗ trợ 850 NDT, trong khi chi phí cho xây mới nhà ở cho thuê công cộng có giá 4000 NDT trên mỗi m². *Thứ ba*, tiết kiệm tài nguyên đất đai: Thông qua nguồn nhà ở tồn kho, tiết kiệm được tài nguyên đất đai có hạn.

**Nguồn: Cục Nhà ở và xây dựng đô thị - nông thôn thành phố Tây An
TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 1/2015
ND: Kim Nhạn**

Nghiên cứu phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc

Trong quá trình đô thị hóa loại hình mới sản xuất công nghiệp là nền tảng phát triển và sinh tồn của thị trấn và nông thôn, trong đó nâng cấp và điều chỉnh kết cấu sản xuất công nghiệp là đường lối quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế ở thị trấn nông thôn. Bài viết thông qua phân tích những vấn đề hiện trạng phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc đã quy nạp tổng kết ra nguyên tắc và đường lối cơ bản về phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn, đồng thời đưa ra chiến lược quy hoạch hợp lý cho phát triển sản xuất công nghiệp.

1. Xu thế và hiện trạng phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc

Hiện trạng phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn

Bố cục sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc sau khi trải qua nhiều thay đổi từ quá trình phát triển cân bằng ở giai đoạn xây dựng đất nước tới phát triển phi cân bằng từ sau cải cách và mở cửa, về mặt vĩ mô đã thể hiện hướng khai thác phát triển lần lượt từ nam tới bắc và từ đông sang tây. Dựa vào đặc điểm vị trí của các khu vực đông, tây và trung bộ bước đầu đã hình thành phân công khu vực về bố cục sản xuất công nghiệp; Khu vực phía đông có kinh tế phát triển, loại hình sản xuất công nghiệp chủ yếu là công nghiệp gia công, ngành công nghiệp gia công này tập trung vốn và kỹ thuật tương đối cao; khu vực miền Trung kinh tế tương đối phát triển, loại hình sản xuất công nghiệp chủ yếu là công nghiệp nguyên liệu và công nghiệp nặng; Kinh tế kỹ thuật và vị trí địa lý của khu vực phía Tây tương đối kém nhưng lại có nguồn tài nguyên phong phú, loại hình sản xuất công nghiệp chính là ngành công nghiệp khai thác tài nguyên, tập trung một lượng lớn nguồn lao

động. Tỷ lệ giữa 3 ngành sản xuất ở thị trấn nông thôn Trung Quốc là 1:3:1,3, trong đó ngành sản xuất thứ 2 là ngành phát triển kinh tế chủ đạo, sau đó là ngành sản xuất thứ 3. Ngành sản xuất thứ nhất vẫn lấy sản xuất nông nghiệp truyền thống loại hình dựa vào tài nguyên để tồn tại làm chủ, ngành này có ảnh hưởng tới phát triển kinh tế là tương đối ít.

Xu thế phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn

Ngành sản xuất thứ nhất là ngành sản xuất truyền thống ở thị trấn và nông thôn, nông nghiệp đóng vai trò là ngành sản xuất nền tảng của kinh tế quốc dân, luôn nhận được hỗ trợ giúp sức về chính sách và được quốc gia rất chú trọng. Trong văn kiện số 1 của trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2015 đã đưa ra: Đi sâu thúc đẩy điều chỉnh kết cấu ngành nông nghiệp, tăng cường thay đổi phương thức phát triển ngành nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp chuyển biến từ nông nghiệp truyền thống hướng tới nông nghiệp hiện đại. Nỗ lực phát triển ngành sản xuất thứ 3 là phương châm của chiến lược quy hoạch 5 năm lần thứ 12 của quốc gia, ngành sản xuất thứ 3 này trong tương lai sẽ có không gian phát triển lớn hơn nhiều, đặc biệt là dịch vụ nghỉ dưỡng thăm quan du lịch... Ngành sản xuất thứ 2 đóng vai trò là ngành sản xuất công nghiệp chủ yếu ở thị trấn và nông thôn, trải qua nhiều năm phát triển, thu được nhiều thành quả nổi bật, nhưng hậu quả của ngành công nghiệp này là ô nhiễm nặng và tiêu hao lượng năng lượng cao làm cho môi trường tự nhiên ở thị trấn bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Theo xu hướng của xã hội về loại hình môi trường thân thiện và loại hình tiết kiệm nguồn tài nguyên xây dựng, trong tương lai tình hình phát triển quy mô lớn của ngành công nghiệp thứ hai ở thị trấn gần như là không có khả năng.

Xu thế phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc nên kết hợp giữa hai ngành sản xuất thứ nhất và thứ ba, tức là phát triển sản xuất công nghiệp dựa vào môi trường mà tồn tại, đó là trọng tâm phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn trong tương lai. Sản xuất công nghiệp dựa vào môi trường để tồn tại sử dụng tối đa những ưu thế về nguồn tài nguyên của địa phương, phát triển sản xuất công nghiệp mang thương hiệu đặc sắc, tập trung thành một chuỗi công nghiệp đặc sắc nhất thể về sản xuất nông nghiệp, gia công, mua bán, tham quan nông nghiệp và du lịch nghỉ dưỡng. Thông qua phát triển sản xuất công nghiệp dựa vào môi trường để tồn tại, một mặt có thể thúc đẩy nâng cấp ngày càng mới ngành công nghiệp sản xuất truyền thống, xúc tiến phát triển nông nghiệp hiện đại; mặt khác có thể bảo vệ một cách có hiệu quả môi trường tự nhiên ở thị trấn và nông thôn, phối hợp nhịp nhàng quan hệ giữa môi trường với sản xuất công nghiệp. Ngoài ra sản xuất công nghiệp có thể tạo ra nhiều việc làm cho người dân hơn, giải quyết vấn đề về việc làm cho bộ phận những lao động dư thừa ở thị trấn nông thôn, đồng thời thu hút một lượng lớn khách du lịch ở nơi khác tới, tăng thêm nguồn thu cho người nông dân.

2. Những vấn đề còn tồn tại trong quá trình phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc

Quy hoạch sản xuất công nghiệp chưa được hoàn thiện, khu vực phát triển không cân bằng

Công tác quy hoạch đô thị ở Trung Quốc từ trước tới nay chịu ảnh hưởng từ cơ chế quy hoạch truyền thống, hình thành hiện tượng “chú trọng đô thị mà coi nhẹ thị trấn nông thôn”, làm cho công tác quy hoạch giữa thị trấn nông thôn với thành thị thiếu tính chỉnh thể, quy hoạch sản xuất công nghiệp chưa được hoàn thiện làm cho sản xuất không được phát triển theo thứ tự và chất lượng sản xuất kém. Do phương thức bố cục sản xuất công nghiệp phi cân bằng làm cho

sự chênh lệch về kinh tế giữa các khu vực đang ngày một nhiều hơn, phát triển sản xuất công nghiệp không cân bằng giữa các khu vực. Khu vực duyên hải phía Đông do có nguồn tài nguyên phong phú, kinh tế phát triển nhanh chóng, ở các thị trấn và nông thôn có những ngành sản xuất công nghiệp đặc sắc nổi bật, từ đó hình thành các ngành sản xuất công nghiệp chủ đạo đặc sắc, đồng thời phát triển thành cụm tập trung sản xuất công nghiệp, đặc biệt phát triển quy mô và tiềm lực cũng cao hơn khu vực phía Tây. Khu vực miền trung do dân số đông và tình hình kinh tế cũng không cao, thêm vào đó là kết cấu sản xuất công nghiệp lấy công nghiệp nặng làm chủ, làm cho môi trường ở thị trấn bị ô nhiễm nghiêm trọng, phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn bị trì trệ. Thị trấn và nông thôn khu vực phía Tây có số dân tương đối ít và điều kiện tự nhiên không thuận lợi, đặc biệt tình trạng phát triển sản xuất công nghiệp tương đối kém. Hiện trạng bất cân bằng phát triển sản xuất công nghiệp này làm cản trở quá trình phát triển bền vững nhịp nhàng và toàn diện ở thị trấn và nông thôn trên toàn quốc một cách nghiêm trọng.

Kết cấu sản xuất công nghiệp không hợp lý, phát triển sản xuất công nghiệp trì trệ

Sau khi mở cửa và cải cách Trung Quốc lúc này đã không chú ý tới ngành sản xuất thứ nhất và thứ ba làm cho kết cấu sản xuất công nghiệp không được hợp lý. Nhìn chung, ngành sản xuất thứ hai có tố chất không cao và phẩm cấp thấp, đặc biệt là hiện tượng hội tụ hóa và tương đồng hóa nghiêm trọng. Phát triển ngành sản xuất thứ ba một cách trì trệ, hình thức phát triển đơn nhất, thiếu chính sách hỗ trợ tương quan, mà lại có liên quan rất ít với nông nghiệp, không thể hình thành chuỗi sản xuất hoàn thiện, làm cho ngành sản xuất thứ nhất và thứ ba bị tách biệt, hạn chế phát triển ở thị trấn và nông thôn. Do vậy trong quá trình đô thị hóa loại hình mới các khu vực nhất định phải phát huy được những sở trường và tránh được những sở đoản, dựa vào điều kiện địa

phương để phát triển, chọn ra những khu vực phát triển có ngành sản xuất ưu tiên ưu thế, để phát triển kinh tế ở thị trấn và nông thôn có thể đi vào quỹ đạo phát triển tốt hơn.

Đầu tư nghiên cứu phát triển không cao, khả năng sáng tạo không cao

Một mặt do trình độ khoa học kỹ thuật sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc không cao, không chú trọng tới những sáng tạo kỹ thuật và nghiên cứu sản phẩm mới, đầu tư không nhiều, dẫn tới khả năng cạnh tranh thị trường của sản phẩm bị giảm đi, phát triển sản xuất công nghiệp bị trì trệ. Mặt khác là tình trạng thiếu nhân tài quản lý kinh doanh ở thị trấn và nông thôn, dẫn tới thiếu biện pháp xử lý và tổng hợp có hiệu quả đối với những thông tin thị trường và kỹ thuật tiên tiến, kéo theo là tình trạng doanh nghiệp quản lý kỹ thuật lạc hậu, khả năng sáng tạo không cao. Ngoài ra sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn còn thiếu kỹ thuật cốt lõi độc lập, khiến cho phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn nông thôn ỷ lại vào kỹ thuật từ nước ngoài, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển và nâng cấp sản xuất công nghiệp đặc sắc ở thị trấn và nông thôn.

3. Nguyên tắc và đường lối phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn

Tư tưởng và đường lối phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn

Trong tình hình phát triển kinh tế mới của xã hội cần: Thúc đẩy đô thị hóa loại hình mới, nỗ lực phát triển sản xuất công nghiệp ở các vùng thị trấn nông thôn, nỗ lực nâng cấp mức độ phát triển và tối ưu hóa bố cục sản xuất công nghiệp ở thị trấn nông thôn khu vực miền trung, cố gắng gây dựng chuỗi sản xuất công nghiệp ưu thế đặc sắc ở thị trấn nông thôn và nâng cao khả năng cạnh tranh tổng thể trong khu vực, nỗ lực thúc đẩy phát triển tập trung và sản xuất thâm canh ở thị trấn nông thôn, hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với những thị trấn nông thôn có điều kiện tài nguyên tốt, liên tục thúc đẩy đô thị

hóa loại hình mới, sản xuất công nghiệp hóa loại hình mới và hiện đại hóa nông nghiệp, kết hợp tập trung sản xuất nhà ở và dịch vụ đời sống thành một thể thống nhất ở thị trấn nông thôn Trung Quốc, sản xuất công nghiệp với đô thị hóa hòa vào nhau thành mô hình phát triển mới.

Nguyên tắc phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn nông thôn

Nên kết hợp đặc điểm của các ngành sản xuất công nghiệp, dựa vào điều kiện của địa phương để phát triển; xúc tiến phát triển hội tụ liên kết giữa 3 ngành sản xuất; nên phát huy ưu thế của khu vực và làm hiện ra những đặc sắc của địa phương; nên kết hợp với công tác bảo vệ môi trường.

4. Nghiên cứu chiến lược phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn nông thôn

Quy hoạch hợp lý, xúc tiến phát triển nhịp nhàng trong sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn

Thiết lập hệ thống phát triển nhịp nhàng sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn, nên nhìn từ nhiều góc độ để tiến hành quy hoạch bố cục một cách hợp lý. Phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc thể hiện trên góc độ vĩ mô là xu thế giảm dần từ Đông sang Tây. Dựa theo tình hình phát triển hiện nay để cố gắng phát triển nhịp nhàng ở các khu vực nên từng bước đưa kỹ thuật tiên tiến và nhân tài quản lý ở khu vực phía Đông tới phía Tây và Trung, làm rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các khu vực. Trên góc độ vi mô thì bố cục sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn Trung Quốc thể hiện theo xu thế tương đối phân tán và tập trung. Do nguồn tài nguyên thiên nhiên và mức độ kinh tế của các khu vực khác nhau khiến cho các thị trấn và nông thôn có những ngành sản xuất công nghiệp ưu thế khác nhau. Những ngành sản xuất công nghiệp khác nhau có bố cục không gian khác nhau. Do chính phủ Trung Quốc có nhiều hạn chế nghiêm ngặt đối với điểm phân bố công nghiệp ở thị trấn và nông thôn làm cho

công nghiệp nền tảng tập trung trong khu vực công nghiệp trung tâm, đặc biệt bố cục không gian tương đối tập trung. Ngành du lịch do dựa vào cảnh quan tự nhiên hoặc ngành sản xuất thứ nhất làm cho bố cục không gian cũng tương đối phân tán.

Thống nhất chuẩn bị một cách toàn diện bố cục sản xuất công nghiệp, kết hợp phát triển giữa các ngành sản xuất

Dựa vào ưu thế của nguồn tài nguyên, nuôi dưỡng những ngành sản xuất công nghiệp đặc sắc; Kiên trì phát triển tập trung sản xuất công nghiệp, hình thành cụm phát triển sản xuất công nghiệp; Thúc đẩy nhất thể thành phố sản xuất, thực hiện cụm cộng đồng người dân và sản xuất công nghiệp; Kết hợp hỗ trợ giữa 3 ngành sản xuất để hình thành lên một hệ thống kinh doanh sản xuất.

Nâng cao khả năng sáng tạo độc lập và tăng cường xây dựng đội ngũ nhân tài

Xúc tiến phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn nên: Nâng cao khả năng sáng tạo độc lập, tăng cường hỗ trợ từ khoa học kỹ thuật, chú trọng tự nghiên cứu phát triển kỹ thuật trọng tâm, thông qua thông tin hóa xúc tiến nâng cấp và phát triển sản xuất công nghiệp. Doanh nghiệp ở thị trấn và nông thôn nên liên kết với những đơn vị nghiên cứu khoa học có liên quan, tiến hành hợp tác nghiên cứu phát triển kỹ thuật sản xuất công nghiệp ở thị trấn nông thôn, thực hiện bổ sung tài nguyên và nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất công nghiệp. Ngoài ra thị trấn và nông thôn nên thông qua một loạt chính sách khen thưởng, thu hút thêm nhân tài quản lý kinh doanh, nâng cấp trình độ quản lý của đội ngũ nhân tài, thực hiện phát triển ổn định lâu bền nền kinh tế ở thị trấn và nông thôn.

Tăng cường khả năng hỗ trợ của chính phủ, xúc tiến phát triển hợp tác giữa chính phủ và các doanh nghiệp

Phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn không thể không nhờ tới sự giúp sức về chính sách của chính phủ. Một mặt, chính phủ nên đưa ra một loạt chính sách ưu đãi cho sản xuất công nghiệp, chỉ đạo sản xuất công nghiệp chủ đạo có ưu thế phát triển ở thị trấn và nông thôn, xúc tiến nâng cấp tối ưu hóa sản xuất công nghiệp. Mặt khác, chính phủ nên thăm dò những kênh tài chính mới, đồng thời cũng là để hỗ trợ ngành tài chính nông thôn phát triển, tích cực thiết lập kênh tài chính mới, chọn dùng nhiều hình thức để tìm cách tập trung tài chính xây dựng thị trấn và nông thôn. Ngoài ra chính quyền nên hợp tác một cách nhịp nhàng với doanh nghiệp, tăng cường tuyên truyền về những ngành sản xuất chủ đạo, nhờ vào truyền thông đại chúng xây dựng hình tượng thương hiệu của khu vực, dưới nỗ lực của chính phủ để phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn đi theo con đường “ thị trường chủ đạo và dẫn dắt của chính phủ”.

5. Kết luận

Phát triển sản xuất công nghiệp ở thị trấn nông thôn là nền tảng phát triển kinh tế ở thị trấn và nông thôn, dưới bối cảnh phát triển của nền kinh tế xã hội mới, làm thế nào để phát huy ưu thế to lớn của sản xuất công nghiệp ở thị trấn và nông thôn, đặc biệt thực sự có thể giải quyết vấn đề về việc làm cho nhóm lao động dư thừa, nâng cao mức độ đời sống cân bằng của người dân, thực hiện một cách tốt hơn quá trình đô thị hóa dân số, là trọng điểm của công tác quy hoạch ở thị trấn và nông thôn từ nay về sau.

**Chương Siêu - Lý Húc Quang -
Tuyết Mai**

Nguồn: Tạp chí xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 2/2016

ND: Khánh Ly

Xây dựng bền vững - những thiết kế được đánh giá cao

Xây dựng bền vững luôn yêu cầu sự an toàn tối đa đối với thiên nhiên và không gian xung quanh những tòa nhà/ công trình được xây dựng, tại tất cả các giai đoạn trong vòng đời của tòa nhà/ công trình đó - từ khi khởi công tới lúc phá dỡ.

Tổ chức phi thương mại Holcim Foundation for Sustainable Construction được tài trợ bởi nhà sản xuất vật liệu xây dựng hàng đầu của châu Âu - Tập đoàn Holcim (Thụy Sĩ) cứ ba năm một lần lại tổ chức cuộc thi các thiết kế kiến trúc đáp ứng được những nguyên tắc xây dựng bền vững, và hướng tới việc giải quyết những vấn đề trong cuộc sống đô thị tại địa phương mình. Tại Lễ trao giải tổ chức đầu tháng 2/2015, giải “Vàng” đã thuộc về thiết kế công viên Articulated Site tại thành phố Medellin (Columbia). Khu vực dự kiến xây công viên cũng là nơi tập trung toàn bộ hồ tích nước cho thành phố; có nghĩa là dự án vừa góp phần cải tạo các hồ này, vừa bố trí xen kẽ các công trình với các hồ tích nước nhằm tạo lập không gian tiện nghi để nghỉ ngơi, giao lưu, cũng như mọi giao tiếp xã hội khác của cộng đồng, hài hòa với hệ thống hạ tầng hiện hữu của thành phố cũng như cảnh quan chung của khu vực.

Ban Giám khảo trao giải thưởng cao nhất cho thiết kế bởi sự hòa nhập tuyệt vời của quần thể kiến trúc vào cơ cấu vật chất và xã hội của Medellin. Phương pháp tiếp cận trong thực tế xây dựng hiện đại này được các kiến trúc sư áp dụng rất sáng tạo, có thể làm bài học kinh nghiệm có giá trị cho nhiều thành phố khác của châu Mỹ La tinh và trên thế giới. Những hồ chứa nước trong khu vực tạo một vùng tiểu khí hậu trong lành, đồng thời đóng vai trò nguồn cung cấp nước tưới tiêu cho khu công viên và mở rộng ra cả các khu vực phụ cận; qua đó cải thiện đáng kể môi trường sinh thái trong thành phố. Các phòng hòa nhạc ngoài trời, sân chơi thể thao, khu vui chơi giải trí - ngược lại - làm



Dự án công viên Articulated Site (Columbia)

nổi bật thêm giá trị của nguồn nước, nguồn tài nguyên quan trọng trong cuộc sống đô thị. Thiết kế này thuộc về các kiến trúc sư Mario Camargo, Luis Tombe, Juan Calle và Horacio Valencia (EPM Group - Chile).

Giải “Bạc” của cuộc thi được trao cho thiết kế thư viện cộng đồng tại thị trấn Colombo (Sri Lanka). Đó không đơn giản là một công trình mà là một dự án đậm tính xã hội, bởi được xây bởi các “công nhân” đặc biệt - các cựu binh - trong khuôn khổ chương trình tái hòa nhập dành cho những người lính đã tham gia cuộc nội chiến Sri Lanka. Tòa nhà “điểm” vào cảnh quan xung quanh và được thiết kế để có thể tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió thông khí tự nhiên. Công trình hầu như được ứng dụng các nguyên vật liệu địa phương, thậm chí cả phế thải xây dựng (tường đất nện và vật liệu tái chế). Đây là tác phẩm của các kiến trúc sư Milinda Pathiraja và Ganga Ratnayake (công ty Robust Architecture Workshop - Sri Lanka).

Các cựu chiến binh được đào tạo kỹ năng xây dựng đã tích cực tham gia dự án này. Với nhiều kinh nghiệm “chiến trường” - nhất là kinh nghiệm làm việc với kim loại - họ tỏ rõ năng lực xây dựng của mình, xử lý tốt các mối hàn kim loại.

Vành đai bảo vệ Dryline là dự án được trao giải “Đồng”; với nội dung thiết lập ba vành đai bảo vệ khu vực ven biển tại quận Manhattan



Thiết kế thư viện cộng đồng (Sri Lanca)

(thành phố New York) tránh các trận lũ lụt. Khu vực phía nam Manhattan vốn là một trong những vị trí ven biển dễ bị ngập lụt nhất của thành phố New York. Tại đây dự kiến sẽ xây dựng ba “bậc thêm” dài tại khu vực ven biển, với tường chắn sóng và các dải đê biển nhân tạo, vừa có chức năng bảo vệ, vừa tạo lập một không gian công cộng dọc theo mép nước. Dự án sẽ biến khu vực này thành một địa điểm mang chức năng xã hội tích cực - nghỉ ngơi, thương mại, trung tâm cho các hoạt động xã hội. Thiết kế là kết quả của sự hợp tác giữa văn phòng kiến trúc BIG (Bjarke Ingels Group) của Mỹ - Đan Mạch và One Architecture (Hà Lan), theo đơn đặt hàng của chính quyền thành phố New York. Thiết kế được đánh giá cao tại cuộc thi do vai trò quan trọng trong việc kiến thiết diện mạo cho một đô thị có khả năng ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, kéo theo đó là sự “chìm dần” các khu vực duyên hải.

Tại mỗi khu vực được bảo vệ, hệ thống hạ tầng đáp ứng các nhu cầu của cư dân địa phương sẽ được xây dựng.

Holcim Award 2015 thực hiện đúng phương châm của mình - vinh danh những thiết kế kiến trúc mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng bản địa, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc xây dựng bền vững.



Dự án Dryline (Manhattan, New York)

Thuật ngữ “xây dựng bền vững” xuất hiện là bước nối tiếp với “phát triển bền vững”. Những nguyên tắc cơ bản của xây dựng bền vững là:

- Hỗ trợ nền kinh tế phát triển lành mạnh nhằm bảo đảm chất lượng cuộc sống mà không gây tổn thất cho môi trường xung quanh;
- Giảm thiểu những thiệt hại đối với môi trường xung quanh cũng như tính đa dạng sinh học của môi trường sống;
- Quan tâm tới sức khỏe cộng đồng;
- Vận dụng tối ưu các nguồn năng lượng tái tạo.

Để tuân thủ yêu cầu của xây dựng bền vững, các kiến trúc sư, các nhà xây dựng cần đặt nhiệm vụ hàng đầu là dự đoán được công trình sẽ có tác động như thế nào tới môi trường xung quanh trong toàn bộ vòng đời của mình, từ giai đoạn đầu khởi công xây dựng tới khi phá dỡ hoàn toàn. Điều đó có nghĩa là những giải pháp hợp lý và khả thi về mặt sinh thái trong việc bố trí địa điểm thi công, lựa chọn vật liệu xây dựng đảm bảo tuổi thọ và tính sinh thái cho công trình có ý nghĩa rất lớn trong xây dựng bền vững.

Sergey Syrov

Nguồn: Tạp chí Quy hoạch Đô thị (Nga)

tháng 4/2015

ND: Lê Minh

Phát triển bền vững bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc

Từ năm 1999, Trung Quốc bước vào xã hội già hóa, vấn đề già hóa đã thu hút được sự quan tâm, chú ý rộng rãi, chính quyền các cấp cũng bắt đầu coi trọng công tác này, một số chuyên gia, học giả cũng đã tiến hành nghiên cứu các vấn đề xuất hiện trong xã hội già hóa dân số, rất nhiều doanh nghiệp lần lượt bước vào thị trường bất động sản dưỡng lão. Có thể nói, sự nghiệp dưỡng lão tại Trung Quốc đang trên đà phát triển, tuy nhiên, muốn thực hiện nơi ăn chốn ở, nơi an dưỡng tuổi già cho các vị cao niên vẫn còn rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

1. Mô hình bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc

Bất động sản dưỡng lão thuộc phạm trù bất động sản thương mại, đây là thể tổng hợp đa chức năng như nhà ở, thương mại, y tế, dịch vụ..., lấy người già làm nhóm khách hàng mục tiêu, cung cấp cho họ cơ sở hạ tầng, các dịch vụ và các sản phẩm thương mại đặc biệt, đồng thời đáp ứng nhu cầu cư trú và sinh hoạt của họ, phù hợp với đặc điểm tâm lý và sinh lý của họ, đáp ứng nhu cầu hoạt động xã hội của họ, cung cấp nền tảng tốt đẹp về các sản phẩm nhà ở đảm bảo sức khỏe cho những người cao tuổi này.

Bất động sản dưỡng lão có một số điểm khác so với bất động sản thương mại khác: *Thứ nhất*, bất động sản dưỡng lão có hình thức tiêu thụ mang tính chuyên nhất, là sản phẩm nhà ở chuyên để cung cấp cho người cao tuổi; *Thứ hai*, tính đặc biệt trong thiết kế sản phẩm. Trong phương diện lựa chọn địa điểm, cần xem xét tổng hợp tới các điều kiện khác như giao thông, môi trường cư trú, môi trường sinh thái, sự tiện lợi về y tế... Trong phương diện thiết kế quy hoạch nhà ở, yêu cầu có thiết kế không chướng ngại, có hệ thống gọi khẩn cấp...; *Thứ ba*, tính rộng rãi trong các hoạt động cộng đồng. Cần căn cứ theo đặc điểm và các nhu cầu về thân

thể, tâm lý của người già để cung cấp cơ sở vật chất cũng như địa điểm vui chơi, giao lưu tình cảm...; *Bốn là*, nguồn vốn khai thác loại hình sản phẩm này khá nhiều, khá tập trung, trong khi tỷ lệ lợi nhuận khá thấp, chu kỳ hồi vốn dài.

Hiện tại, Trung Quốc chủ yếu có những mô hình hạng mục dưỡng lão sau đây:

Thứ nhất: Loại cộng đồng cùng xây dựng. Đây là hình thức sản phẩm thường gặp nhất trong các hạng mục bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc hiện nay. Hình thức này chủ yếu bao gồm cộng đồng dưỡng lão quy mô lớn, khu dưỡng lão hoặc căn hộ dưỡng lão được xây dựng trong cộng đồng thông thường hay cơ sở dịch vụ dưỡng lão đa chức năng được xây dựng xung quanh cộng đồng có nền kinh tế phát triển...

Thứ hai: Loại hình do cơ cấu y tế, cơ sở thương mại dẫn dắt. Thông qua quy hoạch xây dựng, các cơ sở hạ tầng về y tế, phục hồi sức khỏe... sẽ đồng bộ với bất động sản dưỡng lão, đồng thời dẫn dắt sự phát triển của các bất động sản dưỡng lão này. Mô hình khai thác của loại hình hạng mục dưỡng lão này khá phổ biến, các hạng mục này sẽ giúp phát huy các ưu thế về tài nguyên, giúp thực hiện mục đích cùng cơ lợi giữa sản phẩm dưỡng lão và các cơ sở hạ tầng có liên quan.

Thứ ba: Loại hình kết hợp với du lịch, nghỉ ngơi, dưỡng sinh. Hiện tại, một số doanh nghiệp đang kết hợp khai thác bất động sản du lịch và gia tăng các nguyên tố dưỡng sinh dưỡng lão, bảo vệ phục hồi sức khỏe, văn hóa trường thọ..., lợi dụng môi trường và các tài nguyên ưu thế để khai thác các hạng mục bất động sản dưỡng lão.

Thứ tư: Loại hình cùng xây dựng thông qua hợp tác quốc tế. Để nâng cao chất lượng cho bất động sản dưỡng lão, một số doanh nghiệp khai thác bất động sản dưỡng lão đã kết hợp với

các thương hiệu chuyên nghiệp về dưỡng lão trên thế giới nhằm thu hút đầu tư nước ngoài hoặc vận hành kinh doanh đoàn đội quản lý, cùng khai thác các sản phẩm dưỡng lão. Loại mô hình này chủ yếu có 3 hình thức là thu hút đầu tư nước ngoài để bù đắp cho vấn đề nguồn vốn khai thác bất động sản dưỡng lão không đủ; đưa các triết lý tiên tiến và các thương hiệu dưỡng lão nổi tiếng trên thế giới vào môi trường trong nước nhằm phát triển phù hợp với đặc điểm của ngành dưỡng lão tại Trung Quốc; học hỏi kinh nghiệm, đưa vào các kinh nghiệm tốt của nước ngoài để vận dụng tại Trung Quốc.

Thứ năm: Loại hình tận dụng tài nguyên nhân rỗi. Có thể tận dụng đầy đủ nguồn nhà ở hiện có như các nhà xưởng công nghiệp tốt đang nhân rỗi, nguồn nhà ở tồn kho, nguồn nhà xây dựng vi phạm quy định... để tiến hành cải tạo thành các bất động sản dưỡng lão sao cho đồng bộ với các cơ sở hạ tầng dưỡng lão, cung cấp các dịch vụ hộ lý dưỡng lão, phát huy tác dụng của nguồn tài nguyên nhân rỗi để phục vụ cho sự nghiệp dưỡng lão.

2. Khó khăn trong phát triển bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc

Hiện tại, quá trình phát triển bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc tồn tại những khó khăn sau đây:

- *Thứ nhất, khó khăn về tài chính.* Khó khăn về tài chính, nguồn vốn cao là những thách thức mà đa số các doanh nghiệp hiện nay thường phải đối mặt, bởi vì tài chính có mối quan hệ trực tiếp với mô hình vận hành kinh doanh, mô hình tiêu thụ và chu kỳ hồi vốn của doanh nghiệp.

- *Thứ hai, khó trung dụng đất đai.* Bất động sản nhà ở, bất động sản thương mại có thể thông qua các phương thức như bán đấu giá, chuyển nhượng... để có được đất đai, việc đền bù có thể giải quyết theo thỏa thuận thị trường, các cơ sở hạ tầng đô thị có thể dựa vào chính quyền các thành phố lớn để tiến hành đồng bộ. Các hạng mục bất động sản dưỡng lão mới xây, có quy mô tương đối lớn tại Trung Quốc đa số

đều ở vùng ven đô do đó sự đồng bộ của chính quyền đô thị, việc đền bù bồi thường hay trung thu đất đai đều có những khó khăn nhất định. Nếu lựa chọn đất sử dụng để phục vụ cho hạng mục bất động sản dưỡng lão tại khu vực nội đô thì tình hình còn khó khăn hơn thế.

- *Thứ ba, khó có được lợi nhuận thị trường.* Chu kỳ tiêu thụ nhà ở nhiều nhất là 1 năm, nhanh hơn thì 3 tháng đã có thể tiêu thụ hết. Tiêu thụ tại cửa hàng bán lẻ của doanh nghiệp hoặc chu kỳ cho thuê thông thường từ 2 đến 3 năm, tốt thì trong vòng 1 năm cũng có thể tiêu thụ hoặc cho thuê toàn bộ. Các viện dưỡng lão do chính phủ xây dựng thì đa số phải xếp hàng từ nhiều năm trước, cung không đáp ứng đủ cầu. Các nhà dưỡng lão theo mô hình khai thác thị trường có chu kỳ cho thuê hoặc tiêu thụ thường từ 3 - 5 năm, hoặc lâu hơn.

- *Thứ tư, khó thực thi các chính sách.* Những năm gần đây, tuy nhà nước Trung Quốc rất coi trọng các vấn đề về già hóa dân số, nhiều phương diện như đất đai, thu thuế... đã được hỗ trợ. Tuy nhiên, thực tế từ một số doanh nghiệp và các hạng mục dưỡng lão tại Trung Quốc cho thấy, những chính sách này rất khó thực hiện, có chính sách thủ tục còn lằng nhằng vướng víu, có chính sách hoàn toàn không được hỗ trợ.

- *Thứ năm, trách nhiệm quản lý không rõ ràng.* Xây dựng các hạng mục, cơ sở hạ tầng hay hệ thống dịch vụ dưỡng lão để cập tới rất nhiều cơ quan của nhà nước như Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên đất đai... Khi các địa phương tiến hành cụ thể, cũng cần liên hệ với rất nhiều cơ quan. Thêm vào đó, các cơ quan lại không phân rõ chức trách trong quản lý hạng mục dưỡng lão, thường xuyên xảy ra hiện tượng thoái thác trách nhiệm cho nhau.

- *Thứ sáu, các dịch vụ dưỡng lão còn thiếu tiêu chuẩn.* Vấn đề trọng tâm trong các bất động sản dưỡng lão là dịch vụ, tiêu chuẩn hóa dựa vào hệ thống dịch vụ, đưa ra các dịch vụ tương ứng với tình hình sức khỏe của người cao tuổi. Ví dụ, đối với người già có sức khỏe hoạt

bát, chủ yếu là đáp ứng các yêu cầu về phương diện tinh thần, giúp họ tự chủ, tự lập dưỡng lão. Những người già cần hỗ trợ từ hộ lý thì cần quan tâm tới sức khỏe tâm lý, sinh lý. Những người già cần hộ lý hoàn toàn sẽ yêu cầu các dịch vụ điều trị y tế, điều này đòi hỏi nhân viên hộ lý phải có kỹ năng hộ lý chuyên ngành cũng như có kinh nghiệm hộ lý phong phú. Tuy nhiên, hiện tại phương diện này đang thiếu các tiêu chuẩn quy phạm của nhà nước, không có tiêu chuẩn sẽ không thể đánh giá về chất lượng dịch vụ, không thể tiến hành thu phí phân loại và không thể giải quyết các mâu thuẫn có liên quan.

3. Suy nghĩ về phát triển bền vững bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc

Già hóa dân số là vấn đề lớn của một xã hội, giải quyết tốt vấn đề chăm sóc, ăn mặc và vui chơi của người cao tuổi là một công việc quan trọng của các cấp chính quyền. Để duy trì sự phát triển bền vững của bất động sản dưỡng lão tại Trung Quốc, cần làm được những vấn đề sau:

- Hoàn thiện các chính sách và quy định

pháp luật về bất động sản dưỡng lão

- Đề ra các quy hoạch phát triển bất động sản dưỡng lão một cách khoa học.

- Đề ra các tiêu chuẩn dịch vụ trong xây dựng bất động sản dưỡng lão và các biện pháp quản lý giám sát thị trường.

- Sự hỗ trợ, ưu đãi chính sách của Chính phủ cần được triển khai tích cực.

- Tận dụng những khu đất nông nghiệp nhàn rỗi ở vùng ven đô để xây dựng viện dưỡng lão và cơ sở dưỡng lão.

- Tận dụng các nhà xưởng, nhà ở bỏ hoang hoặc các bất động sản khác để hoàn thiện cơ sở dưỡng lão.

- Chính phủ cần làm tốt các công trình dưỡng lão thí điểm, kiểu mẫu.

Vương Quyết Lâm, Cao Lỗi

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 7/2015

ND: Kim Nhạn

HỘI NGHỊ TRÙ BỊ CHO KỲ HỌP THỨ 34 CỦA ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ VIỆT NAM - CUBA

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2016



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị



Quang cảnh Hội nghị